Chữ nghĩa làng văn

"Chữ nghĩa làng văn" đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tín thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra "sai" hay "đúng", vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.

***

Trộ

Trộ : trừng mắt ra doạ
(nó *trộ* tôi)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Ông đầu rau

Cũng có ý kiến cho rằng trong ba ông đầu rau là…
Chồng mới là *Thổ Công* (cai quản đất), trông nom việc trong bếp.
Chồng cũ là *Thổ Địa* (cai quản về đất đai), trông nom trong nhà.
Vợ là *Thổ Kỳ* (thần đất), trông nom việc chợ búa.

(Thổ công có phải là ông Táo – Khuyết danh)

Chữ Việt cổ

Văn danh: *nghe tiếng*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Phương ngữ Bắc kỳ

Cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20, nước ta có sách, báo viết bằng chữ quốc ngữ. Ít lâu sau có thêm thơ mới, tiểu thuyết.
Vũ Trọng Phụng đã đưa nhiều "phương ngữ Bắc kỳ" vào *Số đỏ* (1936): *cần đếch gì, mẹ kiếp, có xấu cái đếch ông đây này.*

(Nguyễn Dư)

Thành ngữ tục ngữ

Nợ như chúa chổm

Chúa Chổm chính là Lê Ninh, là hoàng tử nhưng ông *rất khéo*. Các quán ăn ở kinh đô, nếu được ông mở hàng thì rất đắt khách. Vì vậy, *nhiều quán mời ông ăn chịu và ghi nợ*.

Khi được lên làm vua, (tức vua Lê Trang Tông) các chủ quán đến đòi nợ. Vua ra lệnh mở kho để trả nợ nhưng trả nhiều lần chưa hết vì có kẻ đòi nợ khống. Theo truyền thuyết, khi vua đi dạo, hễ đi vào *ngõ Cấm Chỉ* thì không ai được theo đòi nợ nữa. (ngõ Cấm Chỉ ở đầu *phố Hàng Bông*, gần *Cửa Nam* ngày nay).

Đã có một thời…

Thái Thủy

Thái Thuỷ "may mắn" bị tóm sau chúng tôi ít ngày và "được" đưa lên trại Gia Trung, một trại nổi tiếng về sự hỗn hào. Để chứng minh cho một trong những sự hỗn hào, anh Thái Thuỷ kể lại chuyện một anh tù cải tạo hơn 60 tuổi để bộ râu. Khi đi qua cổng trại, bị một anh coi tù chặn lại hoạnh hoẹ: "Mày bao nhiêu tuổi mà để râu?" - "Tôi ngoài sáu mươi". Anh coi tù, chừng 19-20 tuổi- trừng mắt phán: " *Ôn con* mà đòi để râu! Về cạo ngay đi."

Vài năm sau, Thái Thuỷ cùng một số bạn tù khác cũng được đưa về trại Hàm Tân. Nhìn Thái Thuỷ xách hành lý tả tơi đi vào trại, tôi không thể nhận ra anh được nữa. *Cái kính cận thị mất gọng, nứt mắt, buộc bằng hai sợi dây lòi tói, trên một khuôn mặt hốc hác*.

Bộ quần áo tù, vá chằng vá đụp, anh đi ngơ ngác với một vẻ chán chường. Tôi biết các anh ở trại Gia Trung về hầu hết là "đói dài".
Sau khi đã ổn định chỗ ở trong tù, tôi kéo anh ra một góc tâm sự một người bạn tôi vẫn "sinh hoạt" chung trong tù, chia cho Thái Thuỷ một ít đồ dùng. Nhưng Thái Thuỷ và tôi đi đến giữa sân, gặp ngay tên cai tù "hỗn hào' cũ, suýt nữa cả hai vào nhà đá "nằm nghỉ mát treo một chân lên", chơi với muỗi. May, sau một hồi giải thích, nó tha. Từ đó chúng tôi có dịp gặp nhau thường xuyên.

(Một chút kỷ niệm xưa – Văn Quang)

Câu đố dân gian

Mình tròn trùn trụn
Răng nhọn như chông.
Trong nhà ngồi không
Ra ngoài đồng nhảy chôm chổm
(cái nơm)

Tết trong trại tù cùng bạn bè

Tổng cộng đã có 12 mùa xuân trong những cái được gọi là "trại cải tạo" là những mùa xuân đáng nhớ nhất. Từ Nam chí Bắc, từ Sơn La, Vĩnh Phú đến Hàm Tân, mùa xuân nào đến cũng mang đầy dấu tích buồn như những vết sẹo trong tận cùng tâm khảm, đến nỗi đến bây giờ có đêm còn nằm mơ thấy mình đang bị đày đọa trong lao tù khiếp đảm ấy. Giật mình tỉnh dậy mừng như khi vừa được thả từ trại tù ra.

Tuy nhiên, con người ta thật lạ, sống lâu trong tù rồi cũng… quen. Đó là bản năng sinh tồn hay con người phải thích ứng với từng hoàn cảnh để sống, dù để sống cho qua ngày chờ đợi một cái gì sẽ đến. Nhưng cái gì sẽ đến ở trong một thứ tù đày không có án, không có thời hạn là điều đáng sợ hơn nữa. Khoảng 8-9 năm, khi đã là "tù cũ", có lẽ tụi cai ngục cũng "xuê xoa" cho một đôi phần, không còn xiết chặt cùm kẹp như mấy năm đầu nữa. Tôi bị đưa từ trại tù miền Bắc vào miền Nam, bởi hồi đó miến bắc dân đói quá thiếu mọi thứ thực phẩm kể cả ngô khoai sắn, không thể nuôi thêm tù. Chúng tôi bị cùm hai tay suốt ba ngày hai đêm trên xe. Cho đến khi vào đến trại Hàm Tân mới được tháo cùm.

(Văn Quang)

Chữ nghĩa lơ ngơ láo ngáo

Làm trai cho đáng nên trai.
Đi đâu cũng lận…cái chai trong người.

154 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Khi loạt bài viết về quê nhà sau 40 năm trở lại, tôi được nhiều người gọi tới thật bất ngờ. Một trong những sự bất ngờ đó là thi sĩ Nguyên Sa. Qua những cuộc điện đàm, tôi được anh cho biết:

"Năm 1947 thì phải, lúc tản cư khỏi Hà Nội, gia đình tôi chạy tạt về vùng Thạch Thất, quê anh đấy, đi qua cống Đặng, qua con sông, rồi ở nhờ mấy làng ở chân núi." Tôi lại cười và tiếp lời anh: "Cống Đặng thuộc làng Đặng Xá, làng của anh *Tú Kếu – Trần Đức Uyển.* Còn cái làng bên kia sông, ấy là các làng có cái tên thật hay là các làng Cần Kiệm, Phú Lễ, Phú Đa, Trúc Động, Hạ Lôi, ở quanh chân núi Câu Sơn, bên kia con sông Tích Giang. Đó là quê của anh *Dương Nghiễm Mậu – Phí Ích Nghiễm".*
Anh lại cười và nói: "Lạ thế ra nơi đó có nhiều người nổi tiếng quá nhỉ ..." Tôi tiếp: "Vâng các anh ấy nổi tiếng chứ không phải tôi". Anh cười. Khi tôi viết về Quang Dũng và nói đến chị Hồ Điệp, thì anh lại gọi và nói: "Thế ra anh biết anh Quang Dũng kỹ quá nhỉ. Kể như cùng quê với nhau. Từ làng anh, làng Nủa ra Phùng rất gần. Và chị Hồ Điệp nữa, người làng anh nhỉ.

Nói về chị Hồ Điệp, tôi muốn nói về quê ngoại của chị ấy và cũng là quê ngoại của chị Thái Hằng, Thái Thanh. Quê thật lắm tài... Đàn ông thì hát chèo thật hay. Đám chèo làng phải phục. Con gái thì hầu như tất cả đều hát rất giỏi. Vì Hiệp là đất bãi, đất cát chỉ trồng mía và dâu. Chính dân làng Hiệp trong các phiên gặt lúa ấy đã là đầu mối của các đêm hát ví tất là vui. Đó là những đêm trăng, họ đã cất tiếng hát, hát đùa, hát đố các thanh niên nam nữ làng Nủa. Họ hát cho vui và còn để bày tỏ cái tài ứng đối rất văn vẻ của dân làng Hiệp. Từ khi con trăng mới lộ ở đầu cây bưởi, họ vẫn còn hát. Càng về đêm trăng càng như sáng hơn, tiếng hát của đôi bên hình như trong hơn. Các câu đố càng về khuya càng tức nên khó hơn và tình tứ hơn...

Điều này tôi chưa viết ra. Tôi định hôm nào như đã hứa, tôi sẽ lên thăm anh Nguyên Sa, tôi sẽ nói lại. Trong buổi ra mắt một cuốn sách *Quê Nhà, 40 năm trở lại* của tôi tại Philadelphia, khi gần tàn cuộc vui, tôi có gặp một người. Đó là một cụ bà. Cụ đã nắm bàn tay tôi và nói: "Ông ơi, tôi đọc các bài viết của ông mà nhớ hồi tản cư quá. Chính gia đình tôi đã tản cư về làng Nủa chợ của ông... Tôi là cô thằng Lan". Tôi xúc động và lễ phép thưa: "Dạ Lan nào ạ?" Cụ cười đáp: "Tôi là cô thằng Lan, Trần Bích Lan đấy!" Tôi "à", và thưa "Dạ, Trần Bích Lan". Khi trở lại San Diego, tôi có gọi cho anh Nguyên Sa. Anh cười "Vâng cô tôi đấy".

(Nguyên Sa, Hà Nội – Phan Lạc Tiếp)

Thành ngữ hiện đại, hiện thực

Trên đồng cạn dưới đồng sâu
Chồng cày vợ cấy con trâu đi dzìa

Những cái chết tức tưởi của nhà văn

Dương Quảng Hàm (1898-1946), hiệu là Hải Lượng, là nhà nghiên cứu văn học, nhà giáo dục. Tác phẩm *Việt Nam văn học sử yếu*, do ông biên soạn, được xem là cuốn văn học sử phổ thông bằng chữ quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam. Dương Quảng Hàm sinh tại làng Phú Thị, xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Thân phụ là Dương Trọng Phổ, anh là Dương Bá Trạc, một trong những người sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục, là danh sĩ đương thời. Thuở nhỏ ông học chữ Nho, sau ra Hà Nội học chữ Quốc ngữ. Năm 1920, tốt nghiệp thủ khoa trường cao đẳng Sư phạm Đông Dương. Năm 1945, ông được bổ nhiệm làm thanh tra Trung học vụ, rồi làm Hiệu trưởng của trường Bưởi.

Trong hơn 20 năm (1920-1945), Dương Quảng Hàm đã làm việc không mệt mỏi, vừa giảng dạy, vừa viết sách giáo khoa văn học và sử học cho nhà trường, từ bậc tiểu học đến bậc trung

học, vừa bằng tiếng Pháp vừa bằng tiếng Việt. Hai cuốn sách có giá trị nghiên cứu nhất của ông là *Việt Nam văn học sử yếu* (1941), *Việt Nam thi văn hợp tuyển* (1942).

Dương Quảng Hàm chết vào đêm ngày 19 tháng 12 năm 1946, tại Hà Nội, ở tuổi 48.

(Trích từ buikimanh.vn - Thái Doãn Hiểu)

Xe điện Hà Nội

Thằng Tây nghĩ nó cũng tài
Chế ra đèn điện thắp hoài năm canh.
Thằng Tây nghĩ nó cũng sành
Chế ra tàu điện chạy quanh phố phường.

(ca dao vùng Bưởi – Tô Hoài)

Chữ Hán, chữ Nho

Văn phạm Hán ngữ, Anh ngữ đòi hỏi tĩnh từ đi trước danh từ.
Không ai viết "year new" hoặc "niên tân" mà phải viết "new year, tân niên". Thế mà hằng ngày trên sách báo vẫn đầy dẫy những chữ như "điểm yếu'" thay vì "*yếu điểm*" mà không ngờ rằng "điểm yếu" thì có nghĩa là "*chỗ thua kém*".
Khác hẳn với "yếu điểm" có nghĩa là *vị trí quan trọng*.

(Mạn đàm về Hán Việt trong Việt ngữ - Trần Văn Kiệm)

Đường văn ngõ chữ

Cháu xin phần cho ông cháu

Năm ấy nhà văn Nguyễn Tuân tròn 60 tuổi, Hội Nhà văn dự định tổ chức lễ mừng thọ ông thật trọng thể. Giấy mời bạn bè, quan khách đã được gửi đi, bia hơi, bánh kẹo đã được lo liệu đầy đủ.

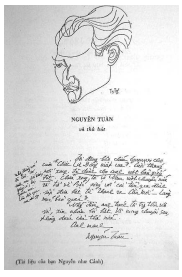

Đúng ngày kỷ niệm, phòng họp Hội Nhà văn các dãy bàn được phủ khăn trắng muốt, quan khách đã có mặt đông đủ, chỉ còn thiếu có nhà văn… Nguyễn Tuân. 5 phút, rồi 10 phút trôi qua. Mọi người đều lo lắng không biết có sự chuyện gì, nhưng vẫn ráng đợi.
30 phút sau, cháu gái nhà văn Nguyễn Tuân lễ mễ xách làn đến:
- Thưa các ông, ông cháu xin lỗi vì bị cảm đột ngột không đến dự được, ông cháu bảo phần của ông cháu, các ông, các bà bỏ vào cái làn này để cháu mang về cho ông cháu.

Mọi người vừa bực vừa buồn cười. Ông Nguyễn lại chơi khăm chúng mình đây. "Đất không chịu trời thì trời chịu đất", ban tổ chức đành gói ghém bánh kẹo lại rồi mời mọi người đến nhà Nguyễn Tuân và tổ chức kỷ niệm ngay tại đấy.
Mọi người đến nhà, Nguyễn Tuân ra mở cửa và tỏ vẻ ngạc nhiên:
"Quý hóa quá, các anh các chị đến chơi lại còn cho nhiều bánh kẹo thế này".

Đường văn ngõ chữ

Di chúc của nhà văn Nguyễn Tuân

Về di chúc của nhà văn Nguyễn Tuân, người ta có nhiều lời đồn đại. Người thì bảo, ông yêu cầu *đốt cho ông hình nộm một nhà phê bình*, để xuống dưới đó ông sẽ hỏi:
- Xuống đây rồi, ông đã nói thật chưa?

Người lại bảo ông để lại một danh sách: Những người nhất thiết không được đến dự lễ tang, những người đến cũng được mà không đến cũng được và cuối cùng là danh sách những người nhất thiết phải có mặt trong tang lễ thì ông mới nhắm mắt được.

Chuyện đến tai Nguyễn Tuân, ông bảo:
Mọi lời đồn đều không đúng. Mình di chúc lại thế này,
- Số tiền các cơ quan, đoàn thể dự định mua vòng hoa và để vào phong bì viếng mình, xin dùng để mua *một téc bia, mời anh em bè bạn uống bia, mừng cho Nguyễn Tuân về cõi vĩnh hằng.*

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Rượu bất khả ép, ép bất khả từ, thì từ từ để tao…uống

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Sau mùa hè ấy, tôi tìm đọc nhiều sách khác nữa, "Gió đầu mùa" của Thạch Lam, "Vàng và máu" của Thế Lữ, "Dế mèn phiêu lưu ký" của Tô Hoài, "Vang bóng một thời" của *Nguyễn Tuân*.
Sau này nhìn lại, tôi thấy sự *giữ gìn và kế tục văn chương tiền chiến* trong thời buổi chiến tranh, không thay thế nó bằng một nền văn học nào khác, ví dụ một nền văn học thực dụng, phục vụ chế độ đương thời. Tôi đọc loạn xạ. Hình như văn chương miền Nam đối với tôi lúc đó có vẻ cũng lộn xộn. Đi đâu tôi cũng mang theo một cuốn sách trong túi áo, khi tôi buồn rầu, chúng an ủi tôi, khi sung sướng, chúng làm tôi giật mình, khi lạc đường chúng khuyên tôi đứng lại, nhìn xuống.
Ngày nay nhìn lại toàn cảnh, tôi tin rằng văn học miền Nam bắt nguồn từ văn học tiền chiến, văn học miền Bắc bắt nguồn từ văn học kháng chiến. Văn học tiền chiến lớn hơn văn học kháng chiến, nhưng văn học kháng chiến mới hơn văn học tiền chiến.

Vài năm sau lên trung học, *chương trình quốc văn trong nhà trường*, tôi bắt đầu được đọc và bình luận về các tác phẩm tiền chiến. Những cuốn như "Nửa chừng Xuân" của Khái Hưng, "Đoạn tuyệt" của Nhất Linh, "Mười điều tâm niệm" của Hoàng Đạo, "Gió đầu mùa" của Thạch Lam, "Vang bóng một thời" của Nguyễn Tuân, "Những ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng, "Số Đỏ" của Vũ Trọng Phụng, "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố, "Dế mèn phiêu lưu ký" của Tô Hoài, và thơ của Thế Lữ Chế Lan Viên, Nguyễn Nhược Pháp, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bính, Vũ Đình Liên,… được giới thiệu khá kĩ bởi những người thầy tâm huyết. Chúng làm cho tuổi thơ của tôi trở nên lãng mạn, diễm ảo.

(Nguyễn Đức Tùng)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Tương truyền lúc còn trai trẻ Nguyễn Du (khi ấy là cậu Chiêu Bảy), rất thích hát phường vải. Bấy giờ có làng Trường Lưu huyện Nghi Xuân, là một trong những làng nổi tiếng về hát phường vải, về nghề dệt vải và về con gái đẹp. Làng Tiên Điền có nghề làm nón; con trai phường nón thường kéo nhau sang hát phường vải ở Trường Lưu.

Trong một đêm hát nọ, Chiêu Bảy tình cờ gặp được một cô gái tên Cúc, giọng hay, tài bẻ chuyện, mà vẫn chưa chồng. Chiêu Bảy biết thóp vậy, liền bẻ ngay một câu như sau để ghẹo chơi: *Trăm hoa đua nở mùa xuân, cớ sao Cúc lại muộn màng về thu?*
Chiêu Bảy vờ nói châm chọc: Các cô gái khác có chồng sơm, sao cô Cúc lại lỡ thì như vậy?
Cô Cúc nào phải tay vừa, thoáng nghe qua cô đã hiểu ngay ý tứ, bèn hát đáp lại rằng: *Ví chưng tham chút nhụy vàng, cho nên Cúc phải muộn màng về thu*
Hoa cúc vốn là hoa nở về thu; *cúc nở về thu mới là đang độ mãn khai, thế là đúng kỳ chớ không phải là muộn.*
Câu hỏi cũng hay mà câu trả lời cũng thật là khéo lắm.

Nước ta có sử từ đời nào?

Cụ Trần Trọng Kim trong lời tựa sách *Việt Nam sử lược* viết: *"Nước Việt ta khởi đầu có sử từ đời nhà Trần, vào quãng thế kỷ thứ 13".* Ông vâng lệnh vua Trần Thái Tông (1225 - 1258) biên soạn bộ *Đại Việt sử ký* được xem là bộ sử đầu tiên và như vậy học giới cho rằng ông là người viết sử đầu tiên của nước ta.

Ông Lê Văn Hưu (1230 - 1322) quê làng Dị, Thanh Hóa. Năm 11 tuổi, khi đi chợ mua rau cho mẹ, ngang qua lò rèn nghe những tiếng phì phò lạ tai, ông đứng xem. Bác thợ rèn đang rèn dùi sắt, ngước nhìn thấy cậu bé trong túi có một quyển sách, liền nói:
- Cháu mang sách trong túi, vậy cháu có học. Bác ra cho cháu một câu đối. Câu này khó lắm nhiều người không đối được đâu!
- Xin bác cứ ra.
Bác thợ đọc: "Than trong lò, sắt trong lò, lửa trong lò, thổi phì phò, đúc nên dùi sắt".
Ông suy nghĩ một lúc rồi đối ngay: "Nghiên ở túi, bút ở túi, giấy ở túi, viết lúi húi, giành được tam khôi".
Bác thợ rèn phục quá, liền thưởng cho ba quan tiền.

(T. V. Phê)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hoàng Lê nhất thống chí

Hoàng Lê nhất thống chí tên khác là: *An Nam nhất thống chí*, là tác phẩm văn xuôi của Ngô gia văn phái, bao gồm nhiều tác phẩm văn, sử, triết có giá trị của các tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, Hà Nội.

Hoàng Lê nhất thống chí là tác phẩm viết bằng chữ Hán ghi chép về triều đại nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt chúa Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Đây có thể xem như là cuốn tiểu thuyết lịch sử đầu tiên của ta, được viết theo lối chương hồi. Tác phẩm không chỉ dừng ở sự thống nhất của nhà Lê mà còn được viết tiếp, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động vào khoảng 30 năm cuối thế kỷ 18 và mấy năm đầu thế kỷ 19.

Quảng Nam

Trước kia Quảng Nam là đất Chiêm Thành.
Thời nhà Lê
Năm 1471, sau khi chiếm vùng đất phía Nam Thuận Hóa cho đến đèo Cù Mông, Lê Thánh Tông lập thêm Quảng Nam gồm 3 phủ: Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định). Danh xưng Quảng Nam xuất hiện từ đây.

Thời nhà Nguyễn
Năm 1806 Gia Long thống nhất đất nước chia đất nước thành 23 trấn và 4 doanh gồm Quảng Đức, Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nam.
Năm 1831, Minh Mạng đổi trấn và doanh thành tỉnh. Quảng Nam chính thức trở thành tỉnh từ năm này.

Tranh Đông Hồ

Chuột vinh quy, trước khi đi thi chuột phải điếu đóm ông mèo cá, tôm. Tích này sách xưa ghi: *"Vua Lê Trung Hưng (1533-1789)* vì thiếu tiền, ra lệ đóng ba quan tiền nộp quyển đi thi, nên có nạn quan trường thông đồng mua bán".
Ấy là chưa kể bức *Trê cóc, Thầy đồ cóc* cùng nét tranh khắc sâu, nét in phẳng lặng.

Cà phê Hà Nội xưa và nay

Cà phê Lâm

Cà phê Lâm do ông Nguyễn Văn Lâm (tên gọi Lâm toét). Khởi đầu năm 1952 ông bán cà phê xe ở vườn hoa Chí Linh. Đến năm 1955, quán chuyển về ở đầu phố Hàng Vôi.
Năm 1960, quán chính thức tọa lạc tại số 60 Nguyễn Hữu Huân như bây giờ.
Sau này ông Lâm mở thêm quán nữa ở 91 Nguyễn Hữu Huân.

Lên đồng

Các *ông đồng bà đồng* khi đã "ra nghề" đều phải may riêng cho mình trang phục hầu bởi những người trong "nghề" này rất kỵ mặc đồ chung với người khác. Kác nhau, song tất cả phải tuân thủ tuyệt đối về màu sắc: Thiên phủ màu đỏ, Nhạc phủ màu xanh…
Bắt đầu buổi lễ, *ông đồng bà đồng* sẽ ra mắt mọi người với trang phục trắng thể hiện sự trong sạch trước khi hầu thánh. Sau đó, *hầu dâng* sẽ có nhiệm vụ giúp *ông đồng bà đồng* thay trang phục tương ứng với từng vị thần.

(Lên đồng của người Việt – Bùi thị Thoa)

Chửi mất gà

Ở xa mà đến
Mà vểnh mai tai
Mà cài mái tóc
Mà nghe mẹ mày tụng kinh sám hối này"

Nhà bà có bảy con gà xám
Tám con gà vàng
Mất hoang mất hủy
Chẳng còn đâu một chục rưỡi
Con gà nhà bà
Nó ở nhà bà nó là con công con phượng
Nó đến nhà mày nó là con cú con cáo
Nó là thần nanh mỏ đỏ
Nó mổ xé xác vợ chồng nhà mày đi
Mày liệu hồn mà giả con gà cho bà.à à!

Chết ông chết bà
Chết cha chết mẹ
Chết bảy anh em
Thằng nào đứng xem
Về nhà chết nốt

Mày ngỡ mày thoát được tay bà đấy à à à!
Mày đi đằng Đông bà gông bà cùm
Mày đi đằng Nam bà giam bà giữ
Mày đi đằng Tây bà vây bà bắt
Mày đi đằng Bắc bà giắt mày về.

Nay bà chửi
Mai bà chửi

Bà còn chửi nữa
Hôm nay bà chửi một bài,
Ngày mai bà sẽ chửi hai lần liền.

Rồi bà vỗ ngực phành phạch
Bây giờ bà mệt rồi
Bà về bà nghỉ đây"

Rất chặt chẻ: *mào đầu…dàn bài* và…*kết luận*.

(Đỗ thị Đông Xuân)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Túy Hồng - 1

Trong những tác phẩm đầu tiên, Túy Hồng vẫn còn ở trong quan điểm cổ điển là người nữ thụ động, hay nạn nhân trong tình dục. Bà tả một người nữ bị chàng hôn môi hôn miệng mà đã bức bách:
"Thuyền chồng chành muốn lật úp, tôi nhắm mắt đưa tay quần quại đón Vĩnh cầm nạng gỗ lần từng bước qua thăm bên tôi. Chàng bóp nghiền đôi vai, kê mặt vào gáy, chàng ngậm vành tai tôi, rồi bốn cái môi run rẩy mười chiếc hôn, hôn lên tiếng hát ngọt, lên hai huyệt mũi phập phồng hơi thở nóng. Các mạch máu bây giờ là *vô số con kiến bò ngổn ngang trong cơ thể* mùa hạ oi bức, cơ thể tôi mòn khô chịu nắng suốt lộ trình con gái".
(Vết thương dậy thì)

Đó chỉ mới là cái hôn môi hôn miệng, nhưng cái mới của Túy Hồng là mô tả được phản ứng cơ thể, cảm xúc phụ nữ khi bị hôn như vậy. Trước bà, thiếu gì nam nhân đã tả cái hôn, nhưng chỉ sơ lược, một phía thôi, còn người nữ cảm thấy thế nào, bây giờ mới có Túy Hồng *tả kỹ hơn*.
(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Chữ nghĩa lỗ mỗ ngu ngơ

Yêu nhau cởi áo cho nhau.
Tháng sau: "Em đã có bầu, anh ơi"

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Túy Hồng - 2

Trên đây mới là màn giáo đầu với truyện hôn môi hôn miệng, sau đây là cảnh một người con gái mất trinh với người quen biết, chứ không phải bị cưỡng đạo cưỡng hiếp:
"Anh ôm ghì tôi, cắn má, bóp tay, thoa nắn hai chiếc đùi và vuốt bụng... Tôi cảm thấy một cơn sốt dễ chịu nhưng tôi vẫn rút gọn người, vùng đạp. Trời. Anh muốn xé tôi ra, dìm tôi xuống, ngồi lên tôi. Tôi co cùi chỏ đâm vào sườn anh, *cắn vai anh, vật lộn với anh*. Tôi có cảm tưởng như mình là cục bột rất dẻo, rất to và anh đang vọc tay, những ngón tay muốn lún vào... Lăn lóc. Vất vả. Anh chồm tới cắn cổ tôi, nghiến răng bẹo tôi, hai gọng tay kèm cứng thân tôi. Anh hành hạ tôi nhiều sao tôi không thấy đau?".

Nhưng sau đó nàng có thể cảm thấy như cô Trầm trong truyện *Những sợi sắc không:*
"Bàn tay anh đã đi hết miền thân thể em, *leo lên hai trái ổi cồn cào, tụt xuống da bụng* mịn như lá nhãn non... Yêu anh, em đã trườn mình trên cuộc đời cắm chông và dao kéo, em đã lăn lộn vất vả giữa đường trường vãi đầy muối độc và hóa chất đau buốt vừa nát tan cùng thâm cung và buồng trứng con gái. Danh tiết đã mốc meo hoen ố có bao giờ tẩy sạch. Tương lai tím bầm như da trời và da em. Tên đao phủ của tình yêu, anh đã bóp chết đời con gái của em... anh đã truất phế em khỏi địa vị được làm con gái, em trở thành đàn bà, tiếc như không còn gì tiếc

hơn".

Thật là dữ dội, đúng như lời truyền tụng của nam nhân thời đó, gái Huế tán lâu và mất công vì họ thủ trinh tiết rất kỹ, và lỡ phá trinh cô nào, phản ứng sẽ dữ dội như miêu tả trên, cho đến khi người đàn ông phải đền bù bằng nhiều cách, hiệu nghiệm nhất là hỏi cưới, chứ nàng không im lìm trong tiếng khóc cho đến khi chàng "*Em ơi hãy ngủ anh hầu quạt đây*" (Huy Cận)...

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Chữ nghĩa lỗ mỗ ngu ngơ

Hôm qua ngại ngùng đến thăm em
Thấy em đang đái chạy ra xem
Em tôi mắc cở buông quần xuống
Làm cho anh đứng ngẩn ngơ thèm

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Trái với Túy Hồng gốc cố đô Huế cổ kính, quan liêu và quý tộc, Nguyễn Thị Thụy Vũ xuất thân từ miền đất mới, là dòng sông Cửu Long. Bà mang sắc thái của thứ "văn minh miệt vườn" (*chữ của nhà văn Sơn Nam*), biểu lộ đầu tiên và rõ nét là văn phong của bà ngay thẳng, đôi khi thiếu chau chuốt, một truyền thống Nam kỳ từ thời cụ Nguyễn Đình Chiểu, *thẳng băng*, ít ẩn dụ, *chữ khó* và còn đượm màu sắc tươi rói của cuộc đời đang diễn ra. Thụy Vũ dùng ngôn ngữ nói hàng ngày, trực tả mọi sự, không có "ke" là tục hay nhã, ghi nhận sự việc sự cố và ngôn ngữ trung thực như một ký giả đi làm phóng sự vậy. Gái bán bar lường gạt lính Mỹ, *coi cọp người khác tắm*, đi phá thai, bị bệnh hoa liễu, gái mới nhập môn học các ngón nghề của bậc đàn chị, trong nghệ thuật bán bar, và đôi khi *đi khách* như một gái hạng khá đắt tiền.

Phụ nữ ở đâu cũng vậy, khi phải dùng của trời cho, vốn tự có để kinh doanh, cũng tiện tặn mặc cả ráo riết với đàn ông. Chỉ ngồi uống rượu chung bàn thôi tán chuyện lăng nhăng, giá biểu khác, tính theo từng ly rượu chai bia chàng uống, từng ly nước trà giả rượu nàng uống (tục gọi "Saigon tea"). Cao hứng muốn sờ soạn lung tung, thì giá khác. Còn muốn giao hợp, giá cả là thương lượng, cao thấp tùy ngoại hình xấu đẹp, nhiều hay ít kinh nghiệm, trẻ hay già, và kiểu giao hợp chọn lựa.

Hoạt cảnh sau đây là điển hình trong các bar :
"Một tên Mỹ cao lớn, râu ria cạo nhẵn thín, những vết cạo trên râu quai nón vẫn làm tối sầm khuôn mặt hắn. Hắn nhẹ cười mơn trớn hỏi:
- Em tên gì?
Tôi trả lời cộc lốc:
- Tina.
Hắn lôi tôi vào lòng rồi đặt lên bắp đùi hắn. Bàn tay hắn sờ soạn lên ngực và eo của tôi. Chị Nam thường nói với tôi là tụi đàn ông Âu Mỹ lông lá như con dã nhân, mỗi ngày cạo râu hai lần thì hành sự rừng rú chịu không nổi. Tôi sợ sệt nhìn cánh tay hắn. Hắn buông thõng tay tôi tiếp tục cười:
- Ngủ với tôi đi.
Tôi giơ tay làm hiệu:
- Mười ngàn.
Hắn lắc đầu:
- Mắc lắm cưng ơi! Nếu mười ngàn thì em phải trả tiền phòng và tiền ticket.
Tôi lãnh đạm lấy bông phấn ra sửa soạn lại nhan sắc...
(Mèo đêm)

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Thói "ăn" nếp "ở" của người Việt

Đàn bà, con gái khi trong nhà không có gì ăn, tối tối ra đường *ăn…sương*, riết thành chuyên nghiệp. Người nào lỡ mang tiếng "gái ăn sương". Thời đại bây giờ, phụ nữ không còn độc quyền hành nghề này nữa, cả nam giới và, buồn thay.

Còn động từ "ăn đêm", tôi nghĩ, không hẳn đồng nghĩa với "ăn sương", mà gần với "ăn khuya" hơn. Ngoài ra, còn được dùng để chỉ "hành động đi kiếm mồi trong đêm tối" của muông thú, như trong bài đồng dao ru con:
Con cò mày đi ăn đêm,
đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao…

Ỷ mạnh hoặc vai vế lớn, người miền Bắc nói "bắt nạt", người miền Nam dùng động từ "ăn hiếp". Khi có kẻ thừa cơ "chôm" của, hoặc đợi anh hùng hảo hán ra tay trước, rồi hùa theo lấy, người Việt mình nói "ăn hôi".
"Ăn tàn" trong thành ngữ "theo đóm, ăn tàn" cũng có nghĩa tương tự. "Cái thằng đó là hạng người 'theo đóm ăn tàn', không hiểu sao mầy ăn ở với nó tới sáu mặt con!".
Còn "ăn mót" nghe lại thấy tội: "Vợ chồng nó chuyên môn ăn mót lúa của người ta". Ấy mà tục ngữ có câu:
Muốn ăn cơm ngon, lấy con nhà đi mót.
Muốn ăn canh ngọt, lấy con nhà bắt cua.

Câu đầu, người viết không biết phải hiểu sao cho đúng. Có lẽ ở đây không hẳn chỉ nói chuyện đi mót lúa đem về nấu cơm? Và cả hai câu hàm ý bóng gió, khuyên người đời nên biết chọn ý trung nhân cho đúng… tâm nguyện "ăn uống" chăng?

Còn "ăn" trong "ăn quịt" nguyên thuỷ hẳn có nguồn gốc "ăn xong, lỉnh mất, không trả tiền". Về sau được dùng chung cho mọi trường hợp, khi tiền bạc không được thanh toán sòng phẳng.
Còn chuyện "ăn chận" hay "ăn chặn" có nghĩa "lấy bớt". Khi "ăn" cặp kè với "vạ", ngộ nghĩnh thay, "ăn" bay mất nghĩa gốc. "Ăn vạ" thường thấy ở tâm lý lì lợm của trẻ con…

(Ngô Nguyên Dũng)

Thành ngữ tục ngữ

Nuôi ong tay áo

Trong thực tế, không ai nuôi ong ở tay áo cả vì ong dễ đốt vào người, ong ở đây được dùng để chỉ kẻ xấu.
Câu này mang ý nghĩa : nuôi dưỡng giúp đỡ kẻ xấu thì kẻ xấu có khi lại phản bội lại mình, làm hại mình.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Sau một loạt ấn bản "từ điển Vũ Chất" bị "tuýt còi" với lỗi ngô nghê, mới đây, thêm cuốn từ điển với cách giải nghĩa từ ngữ… giật mình, đó là cuốn "Từ điển tiếng Việt" do NXB Bách khoa Hà Nội biên soạn có những định nghĩa gây choáng váng, chẳng hạn như:

"ả đào" là *"đào hát trong các hộp đêm"*

Loạn chữ với "lang bang"

Người ta thường nói '*lang bang*' hay kéo dài thêm thành 'lang ba , lang bang' có nghĩa là *đi đó đi đây khắp nơi khắp chốn*, sở dĩ như vậy là cụm từ này có gốc từ '*bôn ba*'.

Ông Lưu *Bang* từ khi khởi nghĩa bắt đầu cuộc 'bôn *ba*' phải bỏ xứ mà đi. Đầu quân dưới trướng Sở Hoài vương ở vùng Trường Giang. Ông cầm quân chiếm kinh đô Hàm Dương của Tần nhưng khi nhà Tần đổ do sự hiềm khích thù hằn Hạng Vũ đã đày ông đến tây bắc Trung Hoa. Sau đó cuộc Hán Sở tranh hùng lại chinh chiến từ bắc xuống nam. Lên ngôi hoàng đế Trung Hoa rồi cũng không yên phải tiếp tục 'bôn ba' hành quân đánh Trần Hy phản loạn. Nói chung cho đến khi nhắm mắt suôi tay cuộc đời của Lưu Bang là cà một chuỗi ngày…'*bôn ba'*, '*lang bang*" vất vả .

(Vô danh thị)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

mạt sát 抹殺, 抹煞

Soạn giả giảng giải rằng, *mạt nghĩa là xoá bỏ*, *sát nghĩa là rất*; mạt sát nghĩa là chỉ trích mạnh mẽ để làm mất phẩm gía. Giải nghĩa từ tố mạt và từ mạt sát như vậy thì được, song, cho rằng, sát nghĩa là *rất* thì không đúng. Tuy mỗi chữ sát trên đây đều có nhiều nghĩa nhưng cả hai đều có một nghĩa giống nhau là làm tổn thương, là gây tổn hại.
Đành rằng chữ sát 煞 có một nghĩa là rất, nhưng trong từ mạt sát thì nó không mang nghĩa như vậy.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chữ Việt cổ

Do thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình một vài từ nào đó…

Cật vấn: tra *vấn*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Bên lề chữ nghĩa

Hiểu sinh thì là..."*chết"* là do từ điển de Rhodes sai dẫn tới các văn bản của các thầy giảng sai*, "rình sinh thì",* theo tự diển Paulus Của là..."*sắp chết*".

Một trong *Tam Pháp Ấn* thì vô thường theo Phật giáo là không tồn tại lâu dài (qua tứ kiếp: sinh, thành, hoại, trụ)....
Ảnh hưởng của đạo Phật, cao điểm là vào thời Trần (1226-1400), cũng cho ra nhiều cách dùng chỉ sự chết như *siêu thoát, siêu sinh, vãng sinh.*

Chợ Âm Dương

Chợ nằm ở Làng Ó, xã Võ Cường, thị xã Bắc Ninh. Mỗi năm chợ chỉ họp một lần vào đêm mồng 4 rạng ngày mồng 5 Tết.

Theo già làng, nơi họp *chợ Âm Dương xưa* là bãi chiến trường do đó có nhiều người chết. Chợ họp là để tạo cơ hội cho người chết và người sống gặp nhau.
Chợ bắt đầu họp vào lúc *lên đèn*, trên một bãi đất trống cạnh *ngôi miếu cổ* có tiếng là linh thiêng của làng. *Chợ không có lều, quán, không sử dụng đèn nến.* Người đi chợ mang một con gà đen đã được chăm sóc cẩn thận làm vật tế Thành Hoàng làng. Trong chợ cũng có cả những dãy hàng mã, hương, nến, cau trầu.
Ở đầu chợ, người ta đặt một chậu nước để thử tiền âm hay tiền dương. Có người sớm hôm sau xem trong túi đựng tiền toàn là *vỏ hến, lá đa. Chợ tan khi còn đêm.*

Trơi

Trơi : giả, không thật
(ma *trơi*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Bên lề chữ nghĩa

Phù dung, phù du

Phù là nổi lên mặt nước, còn có nghĩa khác là *hư không*.

Phù dung là một loại cây sống trong nước.
Lá to, hoa đỏ, trắng hay vàng.
(Lý Bạch, Vương Xương Linh cho "phù dung" là một loài sen)

Phù du là tiếng Hán, tiếng Việt là *con vờ* hay *con vờ vờ*.
Một thứ côn trùng ban ngày bay ở trên mặt nước, tối hay bay ở gần bóng đèn và mau chết.

Phù dung và *phù du* chỉ đời sống ngắn ngủi, *vô thường*.

Nước ta có sử từ đời nào?

Theo ông Hoa Bằng trong tạp chí *Tri Tân* 1941, thì trước Lê Văn Hưu đã có *Trần Tấn* (cùng sống dưới triều vua Trần Thái Tông) trước tác bộ *Việt Chí*, sau đó Lê Văn Hưu mới sửa lại cho hoàn chỉnh và có lời bàn tức bộ *Đại Việt sử ký* ngày nay.

Sau khi nêu tài liệu dẫn chứng, ông Hoa Bằng kết luận:
"Nước ta, đời Trần Thái Tông đã có bộ Việt Chí. Mà sử thần *Trần Tấn chính là người lính tiên phong trong đội sử ký Nam Việt*. Tiếc rằng bộ Việt Chí do Trần Tấn làm đó không tuyền, nên về sau người ta chỉ thấy có bộ *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu".

(T. V. Phê)

Tiếng rao hàng

Giọng người đàn ông rao hàng rất buồn thảm:
- Chưn đạp gai tét giò đây!
Hãy hiểu dùm tiếng rao ấy là:
- Bánh chưng, bánh đập, bánh gai, bánh tét, bánh giò đây

Một số từ Việt miền Nam gốc Quảng Đông

Ảnh hưởng văn hóa mà người Minh Hương để lại sâu đậm nhất trong đời sống miền Nam là ngôn ngữ. Tiếng Việt miền Nam được lưu dân Minh Hương bổ xung cho tiếng Việt thêm phong phú.

Theo Bình Nguyên Lộc, những từ sau có nguồn gốc Minh Hương.
Xí mụi: do Quảng Đông gọi "xíu mụi", chữ Nho là tiêu mai.
Chạp phô: Chỉ là "tạp hóa". Nhưng chính người Quảng Đông lại cho nó cái nghĩa hạn chế là thực phẩm: trứng vịt, tôm khô, cá khô, v..v... còn các cửa hàng bán các thứ khác cũng tạp nhạp lại không được gọi là chạp phô.
Giò chả quảy: Thật đúng là "dầu chả quảy" tức con quỷ nướng trong dầu, chỉ loại bánh bột mì chiên mỡ.

Ly: là cốc bằng pha lê, người Quảng Đông gọi là "pò lý púi", tức pha lê bôi, ta nuốt hết, chỉ chừa lại "lý" và đọc là…ly.
Xì thẩu: Chữ Nho là "sự đầu", ta hiểu là…ông chủ.

(Vài nét về lịch sử người Minh Hương - Nguyễn Đức Hiệp)

Giai thoại về câu đối

Phụ là vợ, phu là chồng, vì chồng vợ phải đi phu.
Ngã là ta, nhĩ là mày, tại mày nên ta mới ngã.

Giai thoại về câu đối này:
"Anh học trò trốn đi phu, quan bắt vợ anh ta đi thay, rồi đọc vế trên, bảo nếu đối lại hay, sẽ miễn phu cho cả hai người, và anh nọ
đã đối như vậy; dù vế đối lại rất ngông, nhưng quan cũng giữ lời mà tha cho".

Đã có một thời…

Thái Thủy

Thái Thuỷ được tha trước tôi hai năm, anh rủ một người bạn phóng xe gắn máy từ Sài Gòn lên thăm và tiếp tế thêm cho tôi vài gói thuốc, mấy phong bánh. Anh trở thành người "đi thăm nuôi" như các bà vợ đáng thương của những người ở trại cải tạo.

Khi tôi về Sài Gòn, bắt đầu "sự nghiệp" đánh vi tính thuê kiếm sống. Tôi đã định rủ rê Thái Thuỷ đi vào con đường này. Nhưng rồi anh định cư ở Mỹ. Trước khi đi, anh chăm chỉ lên nhà tôi học vi tính. Thật ra cũng chưa biết học để làm gì. Bây giờ mới biết là nó hữu dụng như thế nào. Ít ra thì hàng ngày cũng gõ được e mail cho bạn bè. Mỗi lần nhận được thư điện tử của anh, tôi thích thú và thầm nghĩ "ông có ở đâu thì tôi với ông cũng còn nhiều nợ nần lắm". Nhưng kỷ niệm giữa tôi và Thái Thuỷ nói cả năm chưa hết.

(Nhà thơ Thái Thủy trong buổi
Vinh danh Tao Đàn ngày 29 tháng 7, 2006
tại phòng khánh tiết báo Người Việt, California.)

Được tin báo Người Việt tổ chức một buổi họp mặt với những người Bạn Tao Đàn, tôi ghi vội vài hàng này, gọi là một chút quà tặng bạn. Tôi ở một vùng quê mùa tại Việt Nam, hình dung ra buổi họp mặt rất nhiều ý nghĩa và trên hết là *những cảm xúc tràn đầy của những người nhớ về những kỷ niệm xưa, đánh thức tình người và cả một thời gian không gian cứ như đang sống lại.* Có lẽ chúng ta chẳng có nhiều thời gian được sống lại như thế.

(Một chút kỷ niệm xưa – Văn Quang)

Câu đố dân gian

Chim chi sắc mỏ, cao mồng,
Chim chi không cánh không lông mình trần?
(cái rìu)

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Quả thật đó là những năm đầu tiên của miền Nam, sau chín năm kháng chiến, như một cõi riêng biệt. Phải chờ thêm vài năm nữa, khoảng lớp chín, tôi mới bắt đầu nhận ra rằng bên cạnh những tác phẩm tiền chiến in lại, đã nung nấu hình thành một nền văn học khác: một nền văn học mới, trẻ trung, hào hứng vừa ra đời. Xét lại thì cũng phải. Mặc dù Nhất Linh, người lãnh đạo Tự Lực Văn Đoàn đã vào Nam, và những người nối bước ông như Nguyễn Thị Vinh,

Linh Bảo, Duy Lam, Nhật Tiến đang viết sung sức, nhất là Nhật Tiến, người làm tôi say mê với "Chim hót trong lồng", thì tiểu thuyết tiền chiến không còn phù hợp với thời đại mới nữa. Chín năm kháng chiến đã làm đảo lộn nhiều thứ. Thêm vào đó, cuộc chia đôi đất nước là một lưỡi dao sắc cắt qua các tầng văn hóa, nhiều lớp tâm thức, cắt qua lục phủ ngũ tạng, bất chấp tất cả, không tha thứ điều gì trên đường đi của nó, cho đến khi người ta xa lìa nhau vạn dặm.

Sau tiền chiến, so với thời kỳ "Đoạn tuyệt", nghệ thuật tiểu thuyết của Nhất Linh đã vươn lên rất xa, nhiều đoạn đạt đến mức tâm lý tuyệt diệu, trong "Xóm cầu mới" mà ông khởi thảo năm 1949 và đăng từng kì trên báo *Văn Hóa ngày nay*, một tờ báo bìa vẽ lan, tôi đọc ngày còn nhỏ, đọc lén trong nhà ông anh họ.
Nhưng nó không cứu được *văn chương tiền chiến trước một nền nghệ thuật mới hơn nữa*. Những câu văn ấy êm đềm quá, cách dựng chuyện ấy cổ điển quá, những nhân vật ấy dù ngày càng được mô tả phức tạp trông vẫn hiền lành quá so với thời đại vừa đi qua cơn bão táp đang cập bờ vào thế giới mới, hứa hẹn giấc mơ tự do, nhưng cũng cùng lúc cơn bão chiến tranh đang chờ nó. Thơ và truyện phải viết khác đi, vì đó là nhu cầu sáng tạo nội tại của các nhà văn bất kỳ thời nào.

Phải viết khác đi, vì người đọc đã khác. Người ta không còn giản dị hồn nhiên như trước, người ta sâu sắc, cay đắng hơn, người ta buồn bã, nghi ngờ hơn, giận dữ và lam lũ hơn. Vì vậy đã có một *ý thức làm mới văn chương*, cùng với ý thức tự do trong văn học, hiển lộ rõ ràng và phổ biến, trở thành tinh thần chủ đạo, trong mười năm đầu tiên của sinh hoạt văn học miền Nam.

(Nguyễn Đức Tùng)

155 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Quang Dũng, từ trước tới nay vẫn được biết đến là một nhà thơ Sơn Tây. Anh đã mang hình ảnh của Sơn Tây vào đầy ắp những thi phẩm của mình. "Em từ thành Sơn chạy giặc về - Tôi thấy xứ Đoài mây trắng lắm - Cách biệt bao lần quê Bất Bạt, Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì - Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn. Về núi Sài Sơn ngắm lúa vàng ..." Nhưng thực ra quê hương Quang Dũng không phải là Sơn Tây, mà là Hà Đông. Quang Dũng lớn lên trong căn nhà nằm ở ven con đê Hiệp, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông. Vì Đan Phượng thuộc Hà Đông, nhưng nó nằm trên con đường về Sơn Tây, nên ấn tượng về Sơn Tây đã có sẵn trong lòng mọi người khởi hành từ Hà Nội.

Căn nhà ngay cạnh chợ, đó là nhà cụ Tổng -Phùng.
Và chính là căn nhà của Quang Dũng. Tường nhà vôi màu xanh đã nhạt. Ở một góc tường cao, nếu đứng từ trên sàn gác, thì vừa tầm tay, có một bức tranh vẽ lên tường. Bây giờ tôi cũng đã quên lấp đi nhiều, tôi không biết bức tranh ấy vẽ hình gì. Hình như cảnh một buổi chiều nào đó trong vườn cây Cụ Tổng (mẹ của Quang Dũng) bảo, của anh Diệm (tức Quang Dũng) anh ấy vẽ đấy.

Căn buồng đó có một khuôn cửa sổ mở ra sân sau. Sát đó là một bể nước mưa lớn. Từ căn buồng này có thể nhìn ra bãi mía bên kia con ngòi sát nhà, và thấy núi Ba Vì ở mãi tận phía xa. Căn buồng ấy ngày xưa anh Diệm đã ở. Có lẽ căn buồng này, khuôn cửa sổ này đôi mắt người thơ hướng về Sơn Tây, hít thở cái không khí của Sơn Tây, và sau này mang các hình ảnh của Sơn Tây vào thơ.
Ở cái sân sau đó, rộng thênh thang. Có cây lựu ở sát bể nước. Một cây đu đủ rất nhiều trái Và ở góc vườn kia có một cái chuồng gà. Và cũng ở khoảng sân đó, buổi chiều, tôi đã ngồi với L. (em trai của Quang Dũng), nhìn nước chảy dưới chân, gió mát lâng lâng từ đâu xa lướt trên ruộng mía thổi về. Và cũng từ đó tôi cũng đã thấy Ba Vì in lên nền trời xanh thẳm có mây vươn lên đỉnh cao

Và cũng từ đó, những khi đêm xuống, tôi đã cùng cụ Tổng, chị H., chị Đ., và L. đếm từng tiếng đại bác từ đồn Phùng bắn đi, rồi cùng lắng nghe tiếng nổ âm vọng lại từ nơi nào xa thẳm trong

kia. Ở đó, biết có anh Diệm không. Những đêm như thế, cụ Tổng thường thắp nhang trên bàn thờ ở ngoài sân cầu Trời Phật phù hộ độ trì cho anh Diệm. (tức Quang Dũng)

(Ngôi nhà Quang Dũng ở Sơn Tây – Phan Lạc Tiếp)

Chữ nghĩa lơ ngơ láo ngáo

Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé,
Để lòng buồn anh dạo khắp trong sân,
Nhìn trên tay thuốc lá cháy lụi dần,
Anh khẽ bảo: Gớm, sao mà "đểu" thế!
(nhại thơ…Hồ Dzếnh)

Đường văn ngõ chữ

Nguyễn Tuân & Nguyên Hồng đánh cờ

Nguyên Hồng đến thăm Nguyễn Tuân. Hai cụ bày rượu ra uống, bày bàn cờ ra chơi. Ngồi cả buổi, hai cụ bàn về chuyện thời thế, chuyện văn chương rất tâm đắc nhưng cả hai không ai đụng đến quân cờ. Nậm rượu ngon đã cạn, thức nhắm đã vơi, bỗng Nguyên Hồng cầm quân cờ đánh chát một cái xuống bàn, hét to:
- Chiếu tướng!

Nguyễn Tuân giơ cả hai tay lên trời:
- Thua!

Nói lái hiện đại, hiện thực

Cố quá thành…quá cố
Đơn giản như…đang giỡn

Những cái chết tức tưởi của nhà văn

Khái Hưng

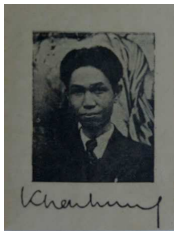

Khái Hưng sinh năm 1896, xuất thân trong một gia đình quan lại ở xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, Hải Dương, nay thuộc Hải Phòng. Khái Hưng học ở trường Albert Sarraut, dạy ở trường Tư thục Thăng Long. Nhất Linh từ Pháp về nước và *cũng dạy tại trường này.* Khái Hưng đã quen Nhất Linh ở đó và họ trở thành một cặp tác giả nổi tiếng. Khái Hưng tham gia Tự Lực Văn Đoàn do Nhất Linh thành lập.

Là một trong những cây bút chính của nhóm, tiểu thuyết đầu tay của Khái Hưng ià *Hồn bướm mơ tiên* (1933), là tiểu thuyết đầu tiên của Tự Lực Văn Đoàn.
Tiểu thuyết cuối cùng của ông là *Thanh Đức* (1943) và cũng là tiểu thuyết cuối cùng của nhóm. Khái Hưng cũng *viết chung với Nhất Linh* hai tiểu thuyết: *Gánh hàng hoa* và *Đời mưa gió* và ra đời chung tập truyện ngắn *Anh phải sống* cùng năm1934.

Khái Hưng mất năm 1947. Theo Nguyễn Tường Triệu (con Nhất Linh và cũng là con nuôi Khái Hưng), thì Khái Hưng mất tích sau Tết Đinh Hợi (22/1/1947).

(Trích từ buikimanh.vn - Thái Doãn Hiểu)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Đồng vợ đồng chồng húp nồi canh cũng cạn.

Đường văn ngõ chữ

Nguyên Hồng là tác giả tiểu thuyết *Bỉ vỏ*. Sau khi thấy tiểu thuyết *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố được dựng phim thành công, Nghiêm Văn Đa đang làm biên tập viên ở hãng phim, muốn chuyển thể thành phim tác phẩm của Nguyên Hồng.

Xin nhận một vai
Một lần, gặp Nguyên Hồng, Nghiêm Văn Đa đã được tác giả đồng ý cho chuyển tác phẩm *Bỉ vỏ* của mình sang phim ảnh. Sau khi đồng ý, nhà văn Nguyên Hồng hào hứng nói với Nghiêm Văn Đa:
- Nhưng phải để tao đóng một vai trong phim!
Nghiêm Văn Đa ngạc nhiên hỏi:
- Bố định đóng vai gì?
Nguyên Hồng như đã chuẩn bị sẵn:
- Tao đóng vai… đao phủ.

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Phan Huy Chú

Phan Huy Chú (1782-1840), thuở nhỏ, có tên là Hạo, sau vì kiêng quốc húy đổi là Chú. Ông là con trai thứ ba của danh thần *Phan Huy Ích* và quê gốc ở Hà Tĩnh, sinh ra và lớn lên ở phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Ông xuất thân trong gia đình có truyền thống khoa bảng. Ông nội là tiến sĩ Phan Huy Cận, *ông ngoại là Ngô Thì Sĩ, bác là Ngô Thì Nhậm*. (bà Ngô Thị Thực thuộc "dòng họ Ngô Thì", có tiếng về văn học “Ngô Gia văn phái”, là *con gái Ngô Thì Sĩ, em gái của Ngô Thì Nhậm*).

Vốn thông minh, lại từng được Ngô Thì Nhậm (cậu ruột) rèn dạy từ lúc 6 tuổi nhưng cả 2 lần thi Hương, ông chỉ đỗ Tú tài (tục gọi ông là "Kép Thầy", vì ở làng Thầy và đỗ 2 lần). Kể từ đó, ông thôi việc thi cữ, chỉ chuyên tâm vào việc nghiên cứu và trước tác.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Em ơi đừng lấy thợ cưa
Có hai hòn d...đong đưa suốt ngày

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Như trên đã trình bày, gái hầu rượu có từ thời cả Jesus, Tất Đạt Đa, Mohamet, Khổng Mạnh... chưa ra đời, chỉ thay đổi tên gọi theo không gian, thời gian. Và thế giới của xóm dưới, xóm nhà lá, xóm chị em ta, xóm bình khang, khu đèn đỏ... thời nào nơi nào chẳng có. Nhưng ít thôi và thường ở vị trí khuất mặt bà con.

Thập niên 60 và nửa thập niên 70 của thế kỷ 20, quân đội Hoa Kỳ đóng quân ở đâu, là lập tức các bar rượu xuất hiện ở đó, ngay ở các cổng ra vào có lính Mỹ. Và cái câu sáo ngữ "đồng tiền, khách hàng là vua, là Thượng Đế" vẫn cứ đúng, thêm một đặc điểm: vì có nhiều dollar tuôn ra, các chủ bar có phương tiện trang trí trang bị phòng ốc tối tân đẹp mắt, đủ màu xanh đỏ, giàn âm thanh tốt... dĩ nhiên với quầy rượu với các ghế cao cẳng bọc da giả, các kiều nữ ăn mặc nhiều màu nhưng hà tiện vải, đi đi lại lại như trong các saloon của Mỹ thời Tây tiến.

Mới đi ra ngoài ngõ vô đã thấy bắt mắt, các nhà đạo đức thật và giả rên la khóc than cho văn hóa dân tộc, truyền thống văn hiến có từ thời *công chúa Tiên Dung còn tắm khỏa thân ở bãi cát ven sông...* Những cái gì xảy ra bên trong các bar, các ông bà già trầu đâu có biết rõ, bây giờ bỗng có một nhà văn nữ loại có tài văn, là Nguyễn Thị Thụy Vũ, ghi chép thành văn

chương và mang ra trình bày trong sách báo công khai, làm sao dư luận không sửng sốt, xôn xao, bàn tán khen chê, đôi khi còn kết án *tác giả làm bại hoại phong hóa đạo đức dân tộc...*

Quên luôn Thụy Vũ ngoài đời chỉ là một cô giáo tỉnh nhỏ xinh xắn và đoan trang, sử dụng ngòi bút của mình miêu tả thế giới của gái bán bar một thời. Miêu tả một cách trung thực, dùng ngôn từ đôi khi sống sượng gây sốc cho một số người đọc, chỉ vì các gái bán bar ăn nói như thế. Không lẽ lại để cho cô Tina hay Thắm Ngựa ỏn ẻn với một ông G.I. râu và lông rậm rạp vừa hành quân trong rừng về, như thế này:
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha? (Kiều)...

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Hồng diện đa dâm thủy

Bài thơ không có tựa đề nhưng rất trứ danh được ký giả tiền bối Đoàn Bá Ninh *dịch ra tiếng Việt vào năm 1947 trong trại giam Thái Nguyên, Bắc Việt từ tiếng Hán:*
Hồng diện đa dâm thủy
Mi trường hạ *tố* mao
Triết yêu chân đại huyệt
Trường túc bất chi lao

Vì tam sao thất bản nên câu 2 và 3 có nhiều dị bản. Về phương diện khảo dị, câu 2 có những biến dạng như sau: *"Đa mi tức đa mao"* hay *"Đa mi hấu đa mao".* Vì vậy chữ *"tố"* là sai. Đúng ra *"đa"* mới đúng vì chữ "tố" là âm Hoa ngữ Quảng Đông.
Câu 3 thì lại: "*Tế yêu ư đại huyệt*" hay "*Tiểu yêu chân cự huyệt*" hoặc giả như *"Phong yêu âm hộ đại". "Tế yêu"* hay "*Tiểu yêu"* thì nghĩa chỉ nhỏ thôi. Chữ "*Phong yêu*" tức đáy lưng ong nghe hay hơn vì ta có câu ca dao "Những người thắt đáy lưng ong – Vừa khéo chiều chồng vừa khéo nuôi con".

Riêng eo thắt, trở về câu "*Triết yêu* chân đại huyệt" thì chữ *"triết yêu"* chỉ cái eo thắt như *cái chén chiết yêu*, nghe gợi hình hơn.

(Lê Văn Lân – Hồng diện đa dâm thủy)

Thành ngữ hiện đại, hiện thực

Học không chơi, đánh rơi tuổi trẻ
Chơi không học, chửa đẻ liên miên.

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Trùng Dương - 1

Nhà văn Pháp có nhiều ảnh hưởng tới lớp trẻ và một vài nhà văn Việt Nam, là một nhà văn nữ trẻ tuổi của Pháp (trẻ với hồi ấy, sau cũng lên lão như tài tử sexy Brigitte Bardot), đó là Francoise Sagan. Những tác phẩm của cô (gọi là cô vì hồi đó trẻ lắm, mới hơn hai mươi): Bonjour tristesse (Buồn ơi, chào mi), Dans un mois dans un an (Trong một tháng trong một năm)...

Giới trẻ Việt Nam hâm mộ Sagan qua văn chương đã đành mà còn say sưa thưởng thức qua điện ảnh Pháp, trong đó những nhân vật nữ của Sagan được đóng bởi các tài tử trẻ xinh đẹp và dễ thương. Một số độc giả và khán giả khó tính có chê bai thái độ sống buông thả trong tình yêu, và rượu, biển và tình dục của các nhân vật ấy. Chung cục của các tác phẩm của Francoise Sagan hay buồn, là thứ buồn khi nhìn lá vàng rụng vào mùa thu, nỗi buồn khi ngồi trên đá tảng nghe sóng vô tận trên đá. Cứ như thế từ ngàn năm, trong khi đời mình và tuổi trẻ thật phù du: không ngoài cái quyến rũ của thân xác phàm tục, cái trái ương chưa cắn vào đã thấy ghê răng, các trái chín mọng làm mềm môi ngọt miệng... đã rời xa khỏi tầm tay với.

Các tác phẩm làm Trùng Dương nổi tiếng một thời nằm trong giòng văn chương ảnh hưởng văn hóa Pháp, văn chương Francoise Sagan nói chung, với một chút triết lý hiện sinh. Francoise Sagan và các nhân vật của bà thường buồn chán, tiếng Pháp là l'ennui, nhưng không triết lý xa gần.

Còn các nhân vật nữ của Trùng Dương uống rượu ít hơn, và lúc nào cũng lý luận, tìm hiểu mọi sự ở đời. Như trong tác phẩm *Vừa đi vừa ngước nhìn* của Trùng Dương:

"Tôi còn được bố mẹ cho ăn nhờ ngày hai bữa cơm, cho ngủ nhờ và không ngớt chê bai tôi là vô dụng vì tôi chê bai cả chính tôi vì chính tôi chả là cái gì cả. Tôi thiếu một chỗ đứng, không có một chỗ đứng. Biết vậy nhưng vẫn phải sống. Biết vậy, nhưng không thể chết. Để cứ mãi chán ngán, buồn nản... Tôi không hiểu tại sao, bỗng dưng tôi lại tách rời ra khỏi lứa tuổi của tôi để bây giờ muốn trở lại nhưng không tìm thấy đường vào... cảm thấy mình trôi dạt vào một hòn đảo nhỏ xíu giữa biển sóng lớn nước mênh mông. *Ở giữa đảo là một cái cây trụi lá*..."

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Thành ngữ hiện đại, hiện thực

Hồng nào hồng chẳng có gai
Gái nào gái chẳng**...**hai, ba thằng

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Trùng Dương - 2

Đọc những đoạn văn trên, thấy phảng phất đâu đây không những không khí Francoise Sagan mà còn của cả anh chàng Roquentin ngồi nhìn cái rễ cây trong công viên, thấy mình là thừa mứa đến buồn nôn lên được, trong một tác phẩm nổi danh một thời của Jean Paul Sartre.

Nhưng là đàn bà, nhân vật của Trùng Dương không thèm để ý đến cái rễ cây hòn đá vô duyên, mà lao vào tình dục, một địa hạt đảm bảo là đỡ chán hơn, coi *làm tình như một cách thế "để xác nhận mình đang sống, đang tồn tại*". Một triết gia Pháp đã nói một câu để đời:"Tôi tư duy, vậy tôi hiện hữu", bây giờ Trùng Dương sửa lại cho hấp dẫn hơn, đại khái:"Tôi làm tình, vậy tôi hiện hữu". Nhân vật "tôi" của Trùng Dương còn tiến hơn một nấc nữa, bằng cách tách rời tình yêu với tình dục, love đi một đằng sex đi một nẻo, điều mà ở đàn ông mới thường thường hay có, còn đàn bà, thường phải có tình yêu, cảm tình trước đã, rồi làm tình sau.

Nhân vật nữ của Trùng Dương có thể làm tình đã, còn có yêu hay không tính sau, như đàn ông vậy:
"Từ trước, tôi vẫn nghĩ rằng mình ghê tởm vấn đề sinh lý. Nhưng lần đầu tiên tôi thấy mình thèm muốn thực sự. Tôi ngạc nhiên về sự thèm muốn ấy, nhất là tôi lại không thèm muốn anh, một người đàn ông, và là một người đàn ông tôi không yêu... Trong lúc cô độc, người ta thường khao khát, đôi khi cũng không ý thức là mình khao khát, thèm muốn nữa. Đêm thứ hai nằm với anh, tôi nhận là mình cảm thấy thèm muốn. Sao không chứ? Anh đã thỏa mãn tôi... Sự thực đối với tôi, sự việc ấy khá tự nhiên. Tôi ít gần đàn ông, nhưng tôi yêu con người nên tôi yêu những gì gọi là tự nhiên của con người, như những đòi hỏi của nó chẳng hạn...

Nhưng anh ạ, tại sao chúng ta phải hổ thẹn khi đề cập tới việc ấy chứ? Tôi cho rằng phần lớn chúng ta đã bị thành kiến nhiễm độc rồi. Thật ra việc yêu đương đâu phải là một tội lỗi. Tôi cho rằng chỉ có những người biết yêu con người, như những nhà văn yêu thương và nâng niu những nhân vật của mình mới hiểu được ý nghĩa sâu xa của việc thụ hưởng này... Tôi đã trao thân cho anh và ý thức việc làm của mình. Tôi không hối hận, không xấu hổ về việc làm ấy..." - (*Mưa không ướt đất*)

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Sau một loạt ấn bản "từ điển Vũ Chất" với lỗi ngô nghê, mới đây, lại có thêm một cuốn từ điển với cách giải nghĩa từ ngữ… giật mình, đó là cuốn "Từ điển tiếng Việt" do NXB Bách khoa Hà Nội biên soạn có những định nghĩa gây choáng váng, chẳng hạn như:

"con ranh" là *"con đẻ ra thì chết"*

Cà phê Hà Nội xưa và nay

Cà phê Hàng Hành

Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp có viêt bài về quán này với tựa đề: *Cà phê Hàng Hành*.

Ngõ Hàng Hành bên hồ Hoàn Kiếm dài hơn trăm mét có đến mấy chục hàng ăn, hàng cà phê.
Ngõ Hàng Hành khi ấy chỉ là một ngõ nhỏ vắng vẻ chỉ đi vừa chiếc xích lô.
Ngõ Hàng Hành nhỏ bé ngày nào giờ đã trở thành *Phố cà phê*.

Thành ngữ xuất xứ từ thơ cổ và điển cố - 1

Thành ngữ "*bãi bể nương dâu*" bắt nguồn từ thành ngữ tiếng Hán "滄海桑田" [thương hải tang điền], nói về những thay đổi lớn trong cuộc đời.

Tiếng Việt đã mượn thành ngữ này theo lối mượn ý dịch lời. Về ý nghĩa, "bãi bể nương dâu" cũng nói đến *sự đổi thay thế sự với bao nỗi nuối tiếc, ngậm ngùi.*
Nó thường xuất hiện trong văn học cổ điển. Chẳng hạn, trong bài "Ai tư vãn" của Lê ngọc Hân khóc vua Quang Trung:
Phút giây *bãi bể nương dâu*
Cuộc đời là thế biết hầu nài sao.

Hoặc:
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế
Ai bày trò *bãi bể nương dâu*.
(Nguyễn Gia Thiều - Cung oán ngâm khúc)

(Nguyễn Ngọc Kiên)

Cà phê Hà Nội xưa và nay

Cho tới thời điểm này, ở Hà Nội đã có gần một chục quán mang tên Cà phê Nhân do các con và cháu ông bà Thi Kỳ mở, như: Cà phê Nhân số 39D *Hàng Hành*, số 9 Láng Hạ, số 143 Nguyễn Thái Học, phố Đê La Thành.. Ngày nay phần đông mọi người thường tìm đến cà phê Nhân ở Hàng Hành.

Nhắc đến cà phê ở Hà Nội, người ta nhớ về một Hà Nội cổ kính và thanh lịch. Tứ trụ "*Nhân – Nhĩ – Dĩ – Giảng*" nay là tam giác cà phê: "*Nhân – Lâm – Giảng*".

Thành ngữ tục ngữ

Nước đục bụi trong

Thành ngữ nói lên cảnh trái ngược, những việc làm bất đắc dĩ, trái với ý muôn: *nước trong ma lại đục, bụi đục mà lại trong*. Ví dụ:
Lỡ làng *nước đục bụi trong*

Trăm năm để một tấm lòng từ đây.
(Truyện Kiều)

Tục ngữ ta có câu “Chết trong còn hơn sống đục” để khuyên ta sống trong sạch, thà chết còn hơn làm điều phi nghĩa, bất lương.

Xe đò than

Hình ảnh chiếc xe đò nhỏ chạy bằng than đốt trong cái thùng phía sau xe được lặp lại từ năm 1975 đến 1985. Thường người ta chỉ cải tiến xe đò là loại xe Renault cũ xì từ giữa thập niên 50.

Tuy giới lái xe gọi đó là *xe đò hỏa tiễn* nhưng *nó chạy chậm hơn xe chạy xăng hoặc dầu*. Có lúc xe chạy ì à ì ạch khi than cháy không hết, lơ xe phải dùng thanh sắt mở lò đốt cời than. Hoặc thỉnh thoảng gặp đường vồng xóc, than văng ra khỏi cửa thông không khí, rớt xuống đường cháy đỏ rực. Xe đò hỏa tiễn chạy những đường ngắn như Sài Gòn – Long Khánh, Chợ Lớn – Cần Giuộc – Gò Công, Sài Gòn – Long An.

Trên mui phía đầu xe thường có thùng phuy nước dùng để làm nguội máy, kế tiếp là nơi chở hàng hóa cho khách buôn.

(Trang Nguyên)

Thành ngữ xuất xứ từ thơ cổ và điển cố - 2

Thành ngữ “bãi bể nương dâu” bắt nguồn từ thành ngữ tiếng Hán “滄海桑田” [thương hải tang điền], nói về những thay đổi lớn trong cuộc đời. Trong kiệt tác “Truyện Kiều” Nguyễn Du đã không dưới hai lần dùng thành ngữ này ở dạng rút gọn:
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
(Nguyễn Du - Truyện Kiều)

Cơ trời dâu bể đa đoan
Một nhà để chị riêng oan một mình
(Nguyễn Du - Truyện Kiều)

Thói "ăn" nếp "ở" của người Việt

Tản mạn thêm chuyện bài bạc. *Tứ sắc* là trò chơi bài lá thông dụng ở miền Trung và miền Nam. Người viết biết chơi bài nầy từ nhỏ, được má, dì và bà ngoại chỉ vẽ vào những dịp Tết. Thông thường, tứ sắc gồm bốn tay. Khi chơi có luật, nói theo "ngôn ngữ tứ sắc", cấm "*ăn sang sông*". Có nghĩa đại khái, tay bài không được phép xé đôi trong bộ tướng-sĩ-tượng, xe-pháo-mã hay bộ chốt để "ăn" bài trên tay của hai người ngồi bên phải đánh ra hoặc kéo từ trong "nọc", giành mất cơ hội của người khác.

Như vậy, từ "ăn" có nghĩa là "giành lấy" (lá bài tứ sắc) về phần mình. Ai chơi trái luật, bị bắt quả tang, sẽ bị phạt đền, bù tiền cho những người thua bàn ấy.
Cũng chuyện đỏ đen, bài bạc. Vợ chồng Năm Chuột là dân cờ gian bạc lận, sống bằng nghề "bài ba lá". Ngày nào đi làm về, anh Năm cũng bị vợ vặn hỏi:
"Bữa nay ăn thua sao rồi?"
Không thoát đi đâu được, "*ăn*" ở đây đồng nghĩa với "*thắng*".

Giống như trong thành ngữ "ăn thua đủ", có nghĩa "so tài đọ sức cho tới lúc thắng thua minh bạch mới thôi":
Hoặc trong "ăn gian": Gian lận để thắng. Nhưng nhiều khi còn được sử dụng thay cho "*gian dối*":
Khi ai muốn dằn mặt, cảnh cáo kẻ khác, chỉ cần đeo vũ khí, đạn dược cho "ăn" là đủ:

"Nói cho mầy biết, chớ có đụng vô con nhỏ đó, chồng nó cho mầy *ăn dao* tức thì!"
Hoặc khi đi chung với những hành động không mấy nhẹ nhàng như "tát", "đấm", "đá", v.v… thì "ăn" có nghĩa "nhận lãnh, gánh lấy hậu quả" không mấy êm đẹp. "Con bé coi vậy mà dữ, tao chỉ mới khều mông một cái nhẹ hều, đã bị nó cho...*ăn tát*"
Đối với trẻ con, ăn gì cũng thích, chỉ không hảo mấy món "ăn đòn", "ăn roi", "ăn chổi lông gà", v...v....

(Ngô Nguyên Dũng)

Thành ngữ xuất xứ từ thơ cổ và điển cố - 3

Thành ngữ "bãi bể nương dâu" bắt nguồn từ thành ngữ tiếng Hán "滄海桑田" [thương hải tang điền], nói về những thay đổi lớn trong cuộc đời. Đặc biệt, những thành ngữ này thường dùng trong những lời thề ước, chẳng hạn :
Dẫu rằng *vật đổi sao dời*
Tử sinh cũng giữ lấy lời tử sinh
(Nguyễn Du - Truyện Kiều)

Dù cho *sông cạn đá mòn*
Còn non còn nước vẫn còn thề xưa
(Tản Đà – Thề non nước)

(Nguyễn Ngọc Kiên)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

phổ quát

Soạn giả giải thích rằng, phổ = rộng, khắp; quát = *rộng ra*; và phổ quát là phổ biến rộng khắp. Định nghĩa từ "phổ quát" như vậy có thể coi là đúng, nhưng giải thích từ tố *quát* thì sai. Quát là *bao gồm* chứ không phải là rộng ra như lời giảng của soạn giả. Phổ quát nghĩa là *bao trùm một phạm vi rộng rãi*.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Truông

Truông : *giải cát lớn bên núi* hay *vũng rừng*.

Thương em anh cũng muốn vô
Sợ *truông* nhà Hồ, sợ phá Tam giang

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

An Dương Vương chọn đất đóng đô ở nơi… chó đẻ

Dã sử và truyền tụng cho biết, ban đầu An Dương Vương chọn đất Uy Nỗ (làng Tó) làm nơi xây dựng kinh đô, nhưng đàn chó của vua cứ kéo nhau sang đất Cổ Loa, trong đó có con chó quý tìm đến một khu gò đất lót ổ đẻ con, vì thế vua cho dời đô sang Cổ Loa, dựng cung điện ngay trên *gò đất nơi chó đẻ*.

Với quan niệm "đất chó đẻ là đất quý" nên người dân Cổ Loa trước đây có tục *làm nhà trên khu đất chó đẻ con*.

(Những chuyện thú vị về các vị vua Việt Nam – Lê Thái Dũng)

Chữ Việt cổ

Cồ: to, lớn
(gà *cồ*, vịt *cồ*)

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Danh từ "Xứ Nghệ" có từ bao giờ?

Muốn trả lời được câu hỏi ấy, chúng ta hãy cùng điểm lại những mốc lịch sử đáng nhớ của vùng đất này:
- Đời nhà Hán: là quận Cửu Chân.
- Đời nhà Tùy: là quận Nhật Nam.

- Đời Đinh, Lê gọi là Hoan Châu.
  (Năm 1030 đổi thành *châu Nghệ An*).
- Năm 1101, Lý Nhân Tông đổi là *phủ Nghệ An*.
- Đời Minh Mạng thứ 12 (1831) đổi là *tỉnh Nghệ An*.

Như vậy, đối chiếu lại lịch sử:
Tên *"Nghệ An" xuất hiện từ năm 1030*
"Xứ Nghệ" là cách gọi tắt của "xứ Nghệ An" *từ năm 1490*

Ngụ cư

Ông cụ thân sinh ra *Chu Văn An* là *người Tầu bán phá xa*.
(xem *Ông Tàu già bán phá xa* ở khúc dưới)

Ngụ cư chỉ có thể trở thành nội tịch với điều kiện *sống ở làng 3 đời thì mới được vào làng*, làm dân nội tịch.

Cụ Chu Văn An mới là đời thứ 2…

(Gs sử học Lê Văn Lan)

Hồ Hữu Tường

Buổi chiều, nắng quái dị lay lắt. Tiếng máy xe Honda ầm ĩ. Chúng bước vô. "Chị rảnh không?"
"Chi vậy?"
"Rảnh em chở chị đi thăm ông Hồ Hữu Tường." Khùng điên gì đâu. Ông ta đang ở một trại tù nào, Xuyên Mộc, Hàm Tânn, Long Khánh, hay xa lắc, Gia Trung. Mấy cậu còn trai trẻ, hoàn cảnh nào cũng đùa được".
"Em có đùa đâu. Ông ta đang ở nhà mà."
"Ủa, được tha rồi sao?"
"*Chưa.* Nhưng *chết.*"

Chết. Đâu có gì đáng cho tôi ngạc nhiên. Như khi nghe tin anh Hoàng Vĩnh Lộc, anh Minh Đăng Khánh, anh Trần Việt Sơn, anh Nguyễn Mạnh Côn...

(Tưởng nhớ người đã mất – Nhã Ca)

Câu đố dân gian

Cây gì không lá, không chân,
Mình vàng, không rễ, ở gần nhà ta?
(cây rơm)

Tết trong trại tù cùng bạn bè

Thật ra chế độ tù cải tạo từ Bắc chí Nam chẳng có gì khác nhau, cũng đi lao động mệt phờ phạc và tối tối lại ngồi kiểm điểm - chúng tôi gọi là "*ngồi đồng*" - cho đến khu mệt rũ, chẳng còn nghĩ được gì ngoài việc lăn ra ngủ. Có lẽ đây cũng là một "đòn" kìm hãm mọi suy tư của bọn tù được gọi là Ngụy. Chế độ ăn khá hơn ở ngoài Bắc, nếu ở Sơn La – Vĩnh Phú, trước khi đi làm buổi sáng chỉ có một củ khoai nhỏ như ba ngón tay thì ở miền Nam được ăn một bát nhỏ bắp nấu hoặc bát bo bo.

Nhà văn Đặng Trần Huân thường có cái muỗng nhỏ xíu bằng nhựa, thứ đồ chơi của trẻ con, ông ấy cứ nhấm nháp từ từ cho đến hết buổi sáng. Ông truyền "bí kíp" rằng ăn như thế có cảm tưởng như lúc nào cũng được ăn, quên cái cảm giác đói đi. Tôi không biết có bao nhiêu "tín đồ" tin theo bí kíp này, riêng tôi theo không nổi, vì đói quá, không nhịn được, ăn luôn một lèo, chỉ ba phút là hết nhẵn nên anh em có câu nói cửa miệng là "ăn rồi cứ tưởng là mình chưa ăn".

Tôi ở trại này chẳng nhớ bao lâu thì bỗng một ngày năm 1985, thấy mấy anh cai tù đưa một đoàn tù từ nơi khác đến. Đám tù này còn rách rưới, gầy còm xanh xao hơn chúng tôi nhiều. Tôi là tù cũ nên tiến lại gần khi tù mới vừa được ngồi xuống bên hàng rào. Lúc đó tôi mới biết đó là những người bạn tù ở các trại tận Pleiku, Kontum và ở những trại nổi tiếng là "ác ôn" nhất như Gia Trung, Bù Gia Mập…

(Văn Quang)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Em ơi đừng lấy thợ cày
Có hai hòn d... suốt ngày lấm lem

156 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Tôi (Đào Vũ Anh Hùng) gặp Nam (Phan Nhật Nam) lần đầu do Thế Phong đưa lại chơi nhà Nam ở đường Trần Nhật Duật, Tân Định. Nhưng biết nhiều về Nam thì qua bạn cùng khoá với Nam là Võ Ý. Tôi nhớ lần đó Nam nói khoái tôi vì bài bút ký
" Dakseang Gối Mỏi Lưng Đồi " tôi viết trên tuần báo Đời và ký tặng tôi cuốn " Mùa Hè Đỏ Lửa " với vỏn vẹn mấy chữ "Tặng ông, bạn tôi" làm Thế Phong cười ngất :
- Nó là nhà văn đang lên, sách bán có tiền nên hà tiện chữ nghĩa cho bạn bè.

Sau này tôi mới nói cho Nam biết cái thằng bay chiếc C&C cho tướng Hậu nửa đêm vào Tân Khai trong trận bão Mannie, giữa mưa đạn phòng không Việt cộng mà Nam nằm dưới đất nhìn thấy khi theo chiến đoàn trung tá Cần vào giải vây An Lộc rồi viết trong "Mùa Hè Đỏ Lửa " chính là tôi, Nam có vẻ thống khoái vì sự ngẫu nhiên ấy, cười khà khà và phán một câu:
- Thấy chiếc máy bay, tao thương quá. Những thằng Không quân chân hồng giữa trời, chết mà không biết thằng khốn nạn nào" chơi "mình thì" lỗ " quá! Thực tình tao " rét " mày ạ, chết dưới đất vững hơn ...Ai ngờ lại là mày bay cho ông Hậu. Hà hà…Mày rơi đêm đó là tao lại có tí đề tài " viết cho một người nằm xuống".

Trong những ngày bôn ba chiến trận, thỉnh thoảng tôi có gặp Nam vác máy hình theo quân Dù đi làm phóng sự. Nhưng thường là những lúc tôi về Saigon cùng Nam và một vài bạn văn nghệ ghé La Pagode bù khú. Đó là những lần tôi có dịp thán phục khoa đấu láo của Nam. Cái giọng oang oang *nửa Huế, nửa Quảng Nam, pha tí Bắc kỳ,* một khi mở máy là nói liên miên đủ thứ đề tài ...Có thể nói khoa tán phét của Nam vô địch. Nam có khả năng nói thao thao hàng giờ không ngưng nghỉ và thật lôi cuốn, có duyên, ba hoa châm biếm bất cần thiên hạ.
Đó là vài trong những kỷ niệm tôi với Phan Nhật Nam.

Tôi phục Nam không chỉ có văn tài và khoa đấu hót. Nam thông minh, hiếu động, tính tình thẳng trực, ngang tàng khí phách. Cái ngông nghênh của Nam, với tôi không có gì quá đáng. Tâm hồn Nam sâu sắc, nhiều tình cảm và rất tốt với bạn bè.

(Phan Nhật Nam Dựa lưng nỗi chết – Đào Vũ Anh Hùng)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Thuận vợ thuận chồng, con đông mệt quá.

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Lớp chín, gặp đứa bạn gái cùng lớp trên đường một mình còn ngượng, thấy người ta hôn nhau từ xa còn đỏ cả mặt, tôi đã đọc truyện tình Mai Thảo. Ông từ miền Bắc vào, sau Nhất Linh một thế hệ. Tôi không biết Mai Thảo bắt đầu viết từ bao giờ, nhưng đọc ông, tôi biết là mới, nhận ra không phải là thứ văn chương tiền chiến được học trong nhà trường. Tôi mê "Chuyến tàu trên sông Hồng", "Đêm giã từ Hà Nội", tôi trốn vào trong gầm bàn thờ, liu riu ngọn đèn dầu Hoa Kỳ, đọc "Cũng đủ lãng quên đời".

Mặc dù Mai Thảo được xem là nhà tiểu thuyết, tài năng của ông tập trung nhiều hơn vào các truyện ngắn, tiểu luận, tùy bút. Đọc Mai Thảo, tôi chú ý đến câu văn. Ông đi vào vùng trời văn học miền Nam bằng *lối viết* hơn là bằng tư tưởng, bằng *phong cách* hơn là bằng tác phẩm, mặc dù tầm tư tưởng, tác phẩm của ông lớn hơn nhiều người khác.
Tôi nhớ khung cảnh đọc truyện đó: một buổi trưa nắng vàng, được ru trong tiếng sóng vỗ sông Hồng, nhớ lại cuốn sách đầu đời của tôi trong kho lúa nhà bà ngoại. Một dòng sông, hai cách chảy đi. Một câu văn đẹp bất chấp nội dung sẽ tồn tại như một câu văn đẹp, làm ta muốn đọc lại nhiều lần.

Có hai phương pháp mà Mai Thảo đã dùng.
Một là ngôn ngữ thơ, một ngôn ngữ vi phạm các chuẩn tắc thông thường của văn xuôi, cắt xén, *nén nó lại, kéo dài nó ra, làm chùng xuống, khi buông lỏng,* khi căng thẳng: ngôn ngữ tự phục vụ cho chính nó. Khác với những câu văn đẹp nhất tiền chiến, như của Nguyễn Tuân. Đọc Nguyễn Tuân, tôi thấy ông dùng chữ chính xác, tự nhiên, để chuyên chở những khám phá thẩm mỹ, nhưng ông không chơi với chữ: ngôn ngữ của ông vẫn là một phương tiện, mặc dù là phương tiện sang trọng. Trước đó, không ai viết như Mai Thảo. Hình như ngoài Bắc, cùng thời, cũng chưa ai viết như thế.

Và như thế, *tiểu thuyết tự truyện* sau này nổi bật trong một số tác giả miền Nam, có thể xem là đã được mở đầu bởi Mai Thảo.

(Nguyễn Đức Tùng)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Chuồn chuồn bay thấp thì mưa
Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm
Đúng là cái đồ hâm …

Những cái chết tức tưởi của nhà văn

Phạm Quỳnh

Phạm Quỳnh (1892-1945) là một nhà văn hóa, nhà báo, nhà văn và quan đại thần triều Nguyễn. Ông là người đi tiên phong trong việc quảng bá chữ Quốc ngữ và dùng tiếng Việt thay vì chữ Nho hay tiếng Pháp để viết lý luận, nghiên cứu.

Phạm Quỳnh sinh tại số 17 phố Hàng Trống, Hà Nội; quê quán ở làng Lương Ngọc, phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Mồ côi mẹ từ 9 tháng tuổi, mồ côi cha từ khi lên 9 tuổi; Phạm Quỳnh đỗ đầu bằng Thành chung Trường trung học Bảo hộ (tức trường Bưởi, còn gọi là trường Thông ngôn).
Năm 1908, Phạm Quỳnh làm việc ở *Trường Viễn Đông Bác cổ* tại Hà Nội. Từ năm 1916, ông làm *chủ bút kỳ cựu của Nam Phong* tạp chí từ năm 1917 đến năm 1932. Năm 1932, sau khi Bảo Đại lên làm vua thay Khải Định, ông được triều đình nhà Nguyễn triệu vào Huế tham gia chính quyền Bảo Đại. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp. Chính phủ Trần Trọng Kim được thành lập. Ông về sống ẩn dật ở biệt thự Hoa Đường bên bờ sông đào Phú Cam, Huế.

(Trích từ buikimanh.vn - Thái Doãn Hiểu)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Thân em như giếng giữa đàng.
Người khôn rửa cẳng, người phàm rửa chân

Đường văn ngõ chữ

Nguyễn Khải từng bị... đuổi ra khỏi nhà

Những tác phẩm của ông đã để đời với giọng văn sắc sảo, dồn đẩy các nhân vật và vấn đề đến tận cùng nhưng vẫn ẩn chứa tình cảm yêu thương nồng ấm của con người. Nhưng ít ai biết rằng, nhà văn nổi tiếng này từng có lần *bị đuổi ra khỏi nhà vì bị nghi oan* là "kẻ ăn cắp?. Những tác phẩm của Nguyễn Khải được giới phê bình văn học đánh giá là đã thể hiện sự nhạy bén và có cách khám phá riêng với các vấn đề xã hội. Một loạt những tác phẩm thuộc nhiều thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, ký sự, kịch của ông đã sống mãi với lịch sử như cuốn "Xung đột", "Mùa Lạc", "Thời gian của người", "Thượng đế thì cười", "Một người Hà Nội"...

Tác phẩm cuối cùng của ông là tùy bút "Đi tìm cái tôi đã mất" ghi lại những trăn trở của nhà văn vào những năm cuối đời. Theo bạn bè thì ngoài đời, nhà văn Nguyễn Khải sống khá *xuề xòa và dễ gần.* Ngay cả khi ông là đại biểu Quốc hội khóa VII, bay từ Sài Gòn ra Hà Nội dự họp, trong khi những người khác trang bị cho mình chiếc va li bóng loáng thì ông chỉ có chiếc ba lô con cóc của người lính đựng vài bộ quần áo đơn giản.

Ông có thể ngồi nhậu “bình dân” với bạn bè, anh em trong quán ở ngay giữa chợ. Những người từng đi "thực tế" với Nguyễn Khải đến các đơn vị bộ đội hay về các làng quê xa xôi đều công nhận: Nguyễn Khải có khả năng giao tiếp thuyết phục đến kỳ lạ. Còn nhà văn có lần nửa đùa nửa thật: "Tôi mà đã định lấy lòng ai thì người đó chỉ có "chết", không cựa nổi...". Đến nỗi có người phải thú nhận: “Đi với Nguyễn Khải thì *không bao giờ sợ... đói”*.

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Cưới vợ thì cưới liền tay.
Chớ để lâu ngày vật giá leo thang.

Đường văn ngõ chữ

Huy Cận tham ăn

Có lần tôi ngồi uống cà phê với anh ở 24 Điện Biên, bỗng anh
nói: “Đây là hai *tài nhân* nói chuyện với nhau” (Anh không nói nhân tài mà lại nói *tài nhân*)

Khi tập thơ *Những năm 60* của Huy Cận ra đời, Xuân Diệu đặt tôi viết bài phê bình đăng *Tác phẩm mới*. Anh nói, Huy Cận đang đi Pháp, Mạnh phải viết thẳng tay, nêu rõ nhược điểm cho cậu ta đỡ chủ quan. Tập thơ nhiều bài yếu lắm. Khi viết bài ấy, anh có trao đổi góp ý

với tôi. Tôi nhận thấy *Xuân Diệu có một cái gì như là có chất đàn bà vậy – hay hờn dỗi*. Và khác hẳn với Nguyễn Tuân, anh hay bộc lộ thẳng tình cảm với những người mà anh quý mến. Thực tình tôi không hiểu sao *Xuân Diệu lại có thể thân với Huy Cận.* Họ quả cũng có những chỗ hợp nhau. *Nhưng Huy Cận đâu phải hạng người tử tế, ngay cả trong tình bạn với Xuân Diệu*. Hai ông bạn, có chỗ này quả là giống nhau: cùng *ăn rất khoẻ* và chỉ thích *thịt cá, trứng vịt lộn*, nghĩa là những thứ nhiều prôtit.

Hồi khoa văn Đại học sư phạm Việt Bắc đưa sinh viên về Hà Nội (đóng ở Cổ Nhuế) để mời các nhà văn đến nói chuyện, tôi có được nhờ tiếp khách hộ. Tôi thấy Xuân Diệu rất thích *uống bia và húp trứng sống.* Anh còn nói, tối nào, cần viết một cái gì thì buổi chiều thế nào cũng phải mua *ba lạng thịt chó để bồi dưỡng*. Có thế mới có sức viết. Xuân Diệu chết vì bị nhồi máu cơ tim, tức là máu nhiễm mỡ, cần kiêng ăn nhiều thịt, trứng. Khi anh mất, Vũ Tú Nam nói, Xuân Diệu đã bồi dưỡng nhầm là vì thế.
Huy Cận cũng vậy. *Phải nói là tham ăn*.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Nguyễn Đình Chiểu với Phan Văn Trị

Nguyễn Đình Chiểu và Phan Văn Trị không chỉ là bạn văn thơ mà còn là bạn đồng tâm, đồng chí. Từ ngày Nguyễn Đình Chiểu tỵ địa về Ba Tri, Phan Văn Trị thường hay tới lui thăm viếng, đàm luận về thời cuộc và vận mệnh của đất nước.
Phan Văn Trị vốn *thích ăn mắm đồng*. Biết vậy, Nguyễn Đình Chiểu bảo người nhà trong mâm cơm thường có món mắm ngon để đãi bạn. Giữa bữa cơm, trong lúc câu chuyện thời thế đang rôm rả, Nguyễn Đình Chiểu nhắc đến Tôn Thọ Tường.
Cử Trị bĩu môi nói:
- Thằng Tường theo Tây được chức quan lớn, vì vậy mà thiên hạ có người bảo nó khôn. Còn tôi như vầy chúng lại bảo là tôi khùng. Anh thấy đó, khùng thì khùng chứ "Di, Tề nào khứng giúp Châu".
Nguyễn Đình Chiểu đặt chén xuống bàn, cười khẩy, nói:
- Thằng Tường theo Tây đã quán *món ăn Tây*, chắc nay không *ăn mắm* được như bọn mình nữa rồi.
Cử Trị tán thành:
- Phải rồi. Hễ còn biết *ăn mắm sống* thì không phải là Tây!

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Phan Huy Chú

Tuy không đỗ cao, nhưng Phan Huy Chú (1) nổi tiếng là người có kiến thức uyên bác. Vì vậy, năm Tân Tỵ (1821), vua Minh Mạng cho triệu ông vào kinh đô, cử giữ chức *Biên tu trường Quốc tử giám* ở Huế. Năm này, ông dâng lên vua bộ sách *Lịch triều hiến chương loại chí* do ông biên soạn và được vua thưởng 30 lạng bạc, 1 áo sa đỏ, 30 cây bút và 30 thỏi mực.

Bộ "Lịch triều hiến chương loại chí" gồm 49 quyển khảo cứu về lịch sử Việt Nam từ *lập quốc đến cuối triều Lê.* Trong bộ sách "Lịch triều hiến chương loại chí", ông đã sưu tầm tư liệu, khảo cứu sách vở, đối chiếu sắp xếp, trình bày cô đọng, mạch lạc sinh động, có tầm khái quát cao, chia theo từng loại *hiến chương gọi là chí*: dư địa chí, nhân vật chí, lễ nghi chí, khoa mục chí, quốc dụng chí, hình luật chí, văn tịch chí, binh chế chí, quan chức chí, bang giao chí.
Nhận thấy tầm quan trọng của bộ sách, vua Minh Mạng đã cho khắc bản gỗ, in thành nhiều bản, để phổ biến. Lịch triều hiến chương loại chí, ghi chép dữ liệu lịch sử từ thời Hồng Bàng đến Lê Mạt, gồm 49 quyển.

(1) Phan Huy Chú (1782-1840) tự Lâm Khanh, hiệu Mai Phong, thuở nhỏ, Phan Huy Chú có tên là Hạo, sau vì kiêng quốc húy đổi là Chú. Ông là con trai thứ ba của danh thần *Phan Huy Ích*
Ông là em rể *Ngô Thì Nhậm*.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Sau một loạt ấn bản "từ điển Vũ Chất" bị "tuýt còi" với lỗi ngô nghê, mới đây, lại có thêm một cuốn từ điển với cách giải nghĩa từ ngữ… giật mình, đó là cuốn "Từ điển tiếng Việt" do NXB Bách khoa Hà Nội biên soạn có những định nghĩa gây choáng váng.

Chẳng hạn như:
"ghi nhớ" là *"ghi và nhớ lấy"*

Tranh dân gian

Tranh Đông Hồ

Bức *Hái dừa* (do ông Nguyễn Đăng Chế người làng Đông Hồ vẽ cácg đây 102 năm): Chàng trai leo chót vót lên ngọn cây, dưới là cô gái quê mặc yếm, vén váy đứng đợi hứng dừa. Người thưởng ngoạn tranh nghĩ đến cái oái oăm nếu trái dừa rơi xuống váy thì sao.
Vì vậy các cụ ta xưa có câu *con gái chơi với con giai, ngày sau cái vú bằng hai quả dừa*.

Xe đò

Trước năm 1975, Xa cảng miền Tây là bến tập trung các xe đò về các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nằm trên đường Kinh Dương Vương. Còn *bến Miền Đông dành cho xe đi các tỉnh miền Trung và phía Bắc trên đường Petrus Ký.*

Trước kia hai bến xe nhỏ Nguyễn Cư Trinh đi lộ trình cao nguyên và Nguyễn Thái Học đi Long Hải – Vũng Tàu – Phan Thiết, rồi sau đó vài năm chuyển về bến xe Văn Thánh, và cuối cùng yên vị tại Bến xe miền Đông trên đường Đinh Bộ Lĩnh hiện nay.
Nhưng nghe đâu hai bến xe này sẽ phải dời ra xã Tân Túc huyện Bình Chánh và Suối Tiên Q. 9 để có diện tích rộng hơn, đáp ứng được cho nhu cầu ngày càng tăng.
Sẽ thiếu sót nếu không nhắc đến Bến xe An Sương, bến này đúng ra có xe đi Tây Ninh – Bình Phước – Bù Đăng, Bù Đốp vùng Tây Trường Sơn, nhưng cũng có xe đi vài tỉnh thành của cả ba miền, do hai bến xe miền Đông và miền Tây nhỏ hẹp.

(Trang Nguyên)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Anh xây em bằng cát.
Rồi hôn em một phát.
Ôi nụ hôn chua chát.
Toàn là…đất với cát

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Trùng Dương

Suy nghĩ như thế, vào thập niên 60 của thế kỷ 20 ở Việt Nam, đúng là một thứ cách mạng nhỏ rồi, nhưng phù hợp với giới trẻ thời nội chiến đang diễn ra dữ dội. Một lần chia tay, ở cổng nhà hay quán cà phê, là một lần tự hỏi không biết còn có thể trông thấy nhau lần nữa, nên trai gái thế hệ thời chiến đã yêu, là yêu bằng cả tinh thần lẫn thể xác. *Người nữ không cần phải triết lý*

dài dòng như nhân vật của Trùng Dương, cũng trao thân dễ dàng. Cứ thản nhiên *tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng* (Ca dao).

Nếu có điều để ngạc nhiên là những người kết án Trùng Dương, đã không chịu nói rõ là sự kết án của mình nhằm các tư tưởng, những tư duy, những thái độ tà đạo... của tác giả, hay là những hành động, miêu tả thuộc địa hạt tình dục thông thường. Bởi vì tương tự Francoise Sagan, *văn Trùng Dương không có miêu tả nào hấp dẫn cả, hơn nữa làm đàn bà mà vừa làm tình vừa triết lý này nọ, khó hấp dẫn ai...* Bởi thế các tác phẩm của Trùng Dương không được đông đảo quần chúng thưởng ngoạn, như Túy Hồng, Thụy Vũ... *Đọc văn bà, hơi mệt*!

Nhà biên khảo Uyên Thao trước 1975 đã có lý khi kết luận về bà:
"Nhưng cũng chính qua những tác phẩm đó, Trùng Dương còn cho thấy sự hiện diện trong làng văn *một con chim rừng đang ghé trên bãi cát. Không có gì bảo đảm con chim đó đậu lại, dù cho tới nay, cũng chưa có dấu hiệu nào xác nhận con chim đó sẽ bay đi*... Tuy nhiên có một điều chắc chắn là trong cả hai trường hợp trên, dấu chân chim vẫn đã có và sẽ còn được lưu ý".
Nhà biên khảo Uyên Thao quả thực đã có khả năng tiên tri: sang thập niên 70, Trùng Dương thôi làm nhà văn, *chuyển sang làm báo và cứ thế làm báo tiếp* khi sang định cư ở vùng bờ biển phía tây Hoa Kỳ. Văn chương, đối với Trùng Dương, chỉ là một cái gì đó để xác định mình là mình, khi mình còn trẻ.

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Cưới vợ thì cưới liền tay.
Chớ để lâu ngày thành vợ người ta.

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Nguyễn Thị Hòang - 1

Cô giáo Trâm, nhân vật chính của *Vòng tay học trò* của Nguyễn Thị Hoàng, đã theo học nhiều năm ở Sàigòn trước khi lên Đà lạt dạy một trường trung học nam. Cô thuê một căn nhà để chỉ ở một mình, trong một khung cảnh:"Trong những chiều hiu quạnh như chiều hôm nay, chỉ còn có mình Trâm đối diện với chính mình, với niềm cô độc, xót xa giữa tòa nhà hai tầng vắng lạnh. Như chiều hôm qua, chiều hôm kia, bao nhiêu buổi hoàng hôn yên lặng đi qua, Trâm lại thấy cần một cái gì phá tan thế giới im lìm này... Những ngày còn đi học, mỗi khi nhìn mặt biển nối tiếp chân trời, Trâm cũng đã khao khát phiêu du... khước từ những năm tháng đều đặn, nếp sống lầm lì, công thức sáo hủ của cuộc đời". Với một tâm trạng như thế, cô giáo Trâm không chịu chọn giải pháp đời thường là cho mấy cô sinh viên hoặc nữ sinh thuê lại phía dưới, vì như thế là rơi vào "công thức sáo hủ của cuộc đời".

Cô quyết định cho một nam sinh tên Minh ở phần dưới nhà:
"*Vô tình*, Trâm đã chỉ cho *Minh kê giường trong phòng nó song song và ở ngay dưới giường mình*. *Vô tình* Trâm nhận ra điều đó, sự song song của hai chiếc giường *qua một không gian đồng lõa*, như hai mặt phẳng số kiếp cùng ở trên một bình diện cuộc đời. Và trong đáy im lìm tiềm thức bỗng mơ hồ vang lên một âm thanh bỡ ngỡ. Một tiếng gọi. Một lời nhắc nhở: *Trâm là đàn bà*, và người mới tới dù sao cũng *là đàn ông*. Hai cực Bắc Nam của hai thanh nam châm tiến dần vào một môi trường nguy hiểm là tòa lầu hoang vắng, là tâm hồn sa mạc, là trái tim tha ma của người đàn bà đã từ lâu đơn chiếc..."

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Thành ngữ hiện đại, hiện thực

Gọt xoài đừng để xoài chua
Chọn bạn đừng để…bạn cua bồ mình.

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Nguyễn Thị Hòang - 2

Khi hiện tượng mà sáo ngữ gọi là "tiếng sét ái tình" bùng ra giữa một đàn ông và một đàn bà, cả Phật lẫn Chúa cũng không còn nghĩa lý, chứ đừng nói luật lệ nhà trường, dư luận và chênh lệch tuổi tác. Vậy đôi trẻ bèn đi một đường yêu nhau.

Chàng học trò và nàng cô giáo của Nguyễn Thị Hoàng yêu nhau như thế này:
"Trong mê sảng, Trâm có cảm giác như có một đôi môi nóng bỏng nào chồm lên mái tóc mình xõa dài sông đêm trên mặt gối. Bàn tay Trâm chới với níu lấy tóc mình. Nhưng bàn tay Minh như vòi mực biển khổng lồ đã quấn chặt tay nàng, dìm xuống, dìm xuống đáy nước cảm giác sôi trào ùa ngập, cho khuôn mặt mình phủ lên trên như một phiến san hô nóng ấm. Những ngón tay Trâm bất động thiếp mê một phút trong tay Minh rồi trở mình xoay nhẹ, xoay như tiếng trục đối chiếu của một bánh xe hốt hoảng đuổi theo cái bóng lờ mờ thoát hiện lên ở một ngã ba đời huyền hoặc... Trục bánh xe im tiếng, chợt đứng. Và những ngón tay Trâm quật lên, xoắn lấy những ngón tay Minh siết nhẹ. Siết đau. Rồi siết chặt... Và cuối cùng mười ngón tay buông nhau. *Một dòng cảm xúc không tên ào ào ngập lụt* trong lòng và Trâm nghe như lưỡi dao bén ngọt nào vừa *rạch suốt chiều dài thân thể*. Cơn mê sảng đầu tiên kéo dài suốt đêm...".

Chỉ có vậy thôi, nhiều chữ nghĩa bóng bẩy, còn về thực chất, cụ thể, đâu có gì là quá mặn, quá sexy. Nếu cuốn tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng đã gây ồn ào dư luận một thời, nguyên nhân nằm ở chỗ khác, là vấn đề đạo lý. Như tên cuốn sách đã chỉ rõ, vấn đề là *vòng tay học trò*...

Mỗi xã hội, mỗi thời có những thứ *cấm kỵ, taboos*, về vấn đề sex, tính dục tình dục của mình. Thời cô Scarlett O'Hara của Nội chiến Nam Bắc Hoa Kỳ, tương tự các xã hội châu Á, không hạn chế tuổi tác nam nữ trong việc làm tình và cưới hỏi. Cô Scarlett lấy chồng năm 16 tuổi, mẹ cô còn lấy chồng sớm hơn: 15 tuổi. Bây giờ ở Mỹ mà như thế, ít nhất cũng vì tội child abuse, nếu không phải là tội nặng hơn là hiếp dâm và tòng phạm hiếp dâm.

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Trăng hôm nay cao quá
Anh muốn hôn vào má .
Trăng hôm nay cao tít
Anh muốn hôn vào...
Trăng hôm nay mới nhú
Anh muốn hôn vào...

Ông Tàu già bán phá xa

Nếu Hà Nội có tẩm quất, có bánh mì ủ trong chăn, có "*đậu phụng rang húng líu*" của *ông Tàu già ở tháp Hoà Phong gần hồ Gươm.* Sau này nhiều người học nghề ông Tàu già rao lang thang khắp phố phường Hà Nội: "Phá xa, húng lìu nóng ròn đây"....

Thì Sài Gòn cũng có "Chú chệt bán đậu phọng rang". Bởi từ câu thơ trong tập thơ rất xưa *Hoa trái mùa* từ năm 1943…
Quần chằm khiếu, áo lang thang
Trên đầu đội cái nón rách
Đi khắp quanh đường tắt

Làng trên xóm dưới reo vang;
Tàu phọng rang

Gia Định thành

Năm 1808 thời Gia Long, miền Nam có tên là *Gia Định thành* gồm 5 trấn (như tỉnh ngày nay) là: Trấn Phiên An (Gia Định), trấn Biên Hoà, trấn Vĩnh Thành (Vĩnh Long, An Giang), trấn Vĩnh Tường (Định Tường), trấn Hà Tiên.

(Nguồn: Đặc san Phù Sa Sông Cửu)

Chửi mất gà

Bài chửi muốn hay lại có vần điệu, chửi lên nghe âm thanh trầm bổng, thì người chửi phải chửi cao hơn một bậc nữa, là chửi bằng... thơ:
Hôm nay bà chửi một bài
Ngày mai bà sẽ chửi hai lần liền
Bà chửi cho mày hóa điên
Bà rủa suốt tháng liên miên không ngừng
Bây giờ bà mệt quá chừng
Bà về cơm nước, nhớ đừng quên a...
Muốn sống thì thả gà ra
Lạy bà hai lạy, bà tha cho mày.... ày ày ày...
(Khuyết danh)

Chửi không phải chỉ sử dụng cái mồm mà còn sử dụng tay chân, miệng chửi nhưng phải hoa tay múa chân, lâu lâu lại phải nhảy lên "*đong đỏng*" *tay vỗ phành phạch vào hạ bộ* để tỏ ra khinh miệt kẻ địch thủ chưa rõ mặt, là kẻ tình nghi ăn trộm gà. Có điều chắc chắn là người "chửi gà" không thể là đàn ông mà phải là đàn bà. Đàn bà có nhiều năng khiếu văn chương, nhiều lời, biết "trình diễn" hơn đàn ông và cũng lại *còn có cái để mà... vỗ.*

(Nguồn: Huy Phương)

Thói "ăn" nếp "ở" của người Việt - 1

Gặp trường hợp bà mai đưa ảnh cho anh chàng kiếm vợ coi mặt, thòng theo câu nói: "Tại con nhỏ chụp hình không ăn ảnh, chớ ngoài đời cổ ngó coi đẹp gái lắm, chú à!" Từ "*ăn*" trong những trường hợp này, bỗng dưng mất bén nghĩa gốc, mà có nghĩa "thích hợp, hoà hợp" với kỹ thuật chụp ảnh trong "*ăn ảnh*", hoặc với ánh đèn sân khấu trong "*ăn đèn*".
Nghĩa cũng gần như vậy, người Việt nói "ăn nhịp", thường được sử dụng khi đàn ca hát xướng, và "ăn khớp" để chỉ trường hợp nói năng, hành động sao cho hợp lý, không mâu thuẫn nhau. Anh dẫn em đi quán bia ôm, trước khi về nhà, thằng anh thủ thỉ dặn dò thằng em: "Má hỏi, mày nhớ nói là mình đi ăn sinh nhật bạn cho ăn khớp, không thôi bả đánh nát đít!"

Phần trên có nhắc tới động từ kép "*ăn ở*", ngoài ý nghĩa "đời sống vợ chồng" còn hàm ý chỉ "cách xử thế, đối đãi" với nhau, như trong trường hợp vợ Năm Chuột than thở cùng chồng: "Lúc nào vợ chồng mình cũng *ăn ở* hiền lành, phước đức, mà sao nghèo hoài hổng biết!". Nhưng khi người mẹ xẳng giọng với anh con trai vẫn còn độc thân: "Mầy cứ *ăn ở* keo kiết như vậy, có chó cái nó lấy mầy làm chồng." Hoặc khi cô con gái lắc đầu nguây nguẩy: "Con không ưng anh ấy đâu, người gì mà *ăn ở* dơ dáy như heo!"

(Ngô Nguyên Dũng)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

sa đà 蹉跎

Theo soạn giả, *sa* nghĩa là *cát sỏi*, *đà* là *lần lữa*, sa đà nghĩa là mất thì giờ vô ích.
Vì không biết chữ Hán nên ông cho rằng, *sa là cát sỏi, đó là một sự bịa đặt liều lĩnh không có căn cứ.* Các từ điển đáng tin cậy đều cho biết rằng, *sa* nghĩa là *ngã*, đà 跎 thì không có nghĩa riêng mà chỉ có thể ghép với sa để tạo thành từ sa đàm mới có nghĩa.

Từ sa đà 蹉跎 trong tiếng Hán thường có 3 nghĩa: 1) lỡ bước. 2) bỏ phí thì giờ vô ích; và 3) buồn nản.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Thói "ăn" nếp "ở" của người Việt - 2

Nghĩ kỹ, thấy ra "ăn ở" đổi nghĩa hoá thành "*thói ăn nếp ở*" hoàn toàn có tính cách cá nhân, không đụng chạm gì tới người khác.
Thành ngữ Việt Nam có vô số câu liên quan tới "ăn". "Ăn không", tiếng miền Nam, cùng nghĩa với "ăn vã", tiếng miền Bắc, ý nói, chỉ ăn món chính, không kèm theo cơm, cháo, v.v… Khi đi chung với "*ngồi rồi*", thành "*ăn không ngồi rồi*", có nghĩa "*rỗi việc*", nhưng không mấy tốt, gần như "vô tích sự". Hãy nghe người vợ than thở: "Từ khi anh ấy bị *muỗi voi chích* tới giờ, suốt ngày ảnh ăn không ngồi rồi, bí rị một chỗ, thấy chán lắm!"

"Ăn xổi", với trạng từ "*xổi*" ("*qua loa, tàm tạm*", thí dụ: *cà pháo muối xổi*), thuần tiếng Bắc, đi chung với "*ở thì*" ("*ở ngắn hạn, nhất thời*"), thành "ăn xổi ở thì": nghĩa đen ý nói kẻ nào ăn ở với ai đó một thời gian ngắn để trục lợi, nghĩa bóng ám chỉ hạng người chỉ biết lợi dụng, bạc tình bạc nghĩa.
Truyện Kiều có đoạn, khi chàng Kim lơi lả buông lời ong bướm, ngôn ngữ hiện đại nói là "thả dê", đòi… *ăn nằm*, nàng Kiều bèn thỏ thẻ xổ… Nho và thành ngữ cảnh giác:
Phải điều *ăn xổi ở thì*
Tiết trăm năm, nỡ bỏ đi một ngày

Rõ là nàng Kiều được Vương ông Vương bà dạy cho "học ăn, học nói, học gói, học mở" khéo thì thôi.

(Ngô Nguyên Dũng)

Thành ngữ tục ngữ

Lật đật như sa vật ống vải

Câu này thường bị nói sai “lật đật như ma vật ông vải”.
Nghĩa câu này hàm ý chê trách việc vội vàng, hấp tấp. Khi kéo sợi vải, ta dùng *cái sa* để quay, con cúi sa bằng bông sẽ dùng mũi quay để kéo thành sợi. Ở mũi quay có *ống vải để cuốn sợi*. Mũi quay thường làm cho *ống vải* rung *lật đật*.

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó.

Mạ: mắng nhiếc, chửi bới - thóa *mạ*, nhục *mạ*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Thành ngữ tục ngữ

May *xống* phải phòng khi cả dạ

Câu này khuyên ta phải nhìn xa trông rộng, tính trước mọi việc.
Xống là váy. Đàn bà may váy phải tính toán để khi có thai, bụng to (cả dạ) vẫn mặc được.

Va

Va : *nó*

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Góp nhặt cát đá

Có người hỏi Đức Dalai Lama:
"Điều gì làm Ngài ngạc nhiên nhất?"

Ngài trả lời:
" Con người …bởi vì con người phung phí sức khỏe để tích tiền của, rồi lại bỏ tiền ra để tìm mua lại sức khỏe. Và vì quá lo nghĩ cho tương lai, *con người quên mất hiện tại*, đến nỗi *không sống với hiện tại* lẫn tương lai.

Vì *họ đã chết khi còn đang sống*"

Gối đầu lên sử tre gỗ mít

Theo thống kê trong Lịch Sử VN, tập I,
1. Dân Việt ở thời điểm 180 trước TL, có *khoảng 600.000 người.*
Thật ra, có *hơi khó… đếm*, vì lúc đó biên giới các "nước" chưa phân định. Triệu Đà phân bì với sứ giả nhà Tần "Nè, thấy đằng kia không, đám "*loang hoang quốc* chỉ có 2000 mạng ở trần hết ráo, mà cũng xưng vua".
2. Thời Hai Bà, năm 40, dân Giao Chỉ khoảng 635.498 người.
3. Thời ĐinhTiên Hoàng- Lê Đại Hành (980-1005), dân Đại Cồ Việt khoảng 2 triệu
4. Thời bắt đầu nhà Lý, niên đại 1054, dân Đại Việt khoảng 2.200.000.
6. Thời Lê Thánh Tông, 1460-1497, *khoảng 4 triệu*. (Đàng Trong)
7. Đàng Ngoài, năm 1750 co 4 triệu. Đàng Trong khoảng *1.5 triệu.*
8. Năm 1962, miền Bắc *17 triệu*, miền Nam *14 triệu*.
9. Năm 2008, dân Việt khoảng 83 triệu.

Hồ Hữu Tường

Không có anh Dõan Quốc Sỹ và các anh khác. Cũng không kịp thông báo. Ngồi lên yên sau, tôi nhờ cậu em đèo tới đó. Rồi công an, mật vụ, theo dõi, mượn cớ khó dễ thì sao? Mặc kệ. Thời buổi mà đi thăm người chết cũng là một trọng tội thì còn nói gì nữa.

Tới đầu con ngõ, sực nhớ thiếu một cái phong bì. Nhớ, quanh đây, có một nhà quen thân anh Nguyễn Chánh Lý. Tôi ghé. Quang đi vắng. Chỉ có người mẹ đang tụng kinh trên gác. Cứ cắt ngang chầu kinh, hỏi xin cái phong bì. Bị gấp quá. Bà mẹ dừng tay chuông mõ, kiếm chiếc phong bì. Đưa, hỏi: "Ai chết vậy?"
"Ông *Hồ Hữu Tường*, ngõ đối diện với bác đó."

"Trời Phật ơi. Ông ta à? Làm sao mà chết? Đang ở tù mà chết. Ông ta... Gượm, cho tôi góp một thẻ hương thắp cho ông ta với. Giời đất ơi. Nam Mô A di Đà Phật..."

(Tưởng nhớ người đã mất – Nhã Ca)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Trèo cao ngã đau, trèo thấp ngã cũng đau.

Những kỷ niệm của tôi về văn học miền Nam

Tiền chiến, chúng ta có Nguyên Hồng với "Những ngày thơ ấu" mà tôi được học năm lớp bảy, chương trình phụ giảng. Một cuốn tự truyện tôi đọc cùng thời gian, ghi dấu ấn sâu đậm về nông thôn miền Nam, "Thằng Thuộc con nhà nông" của *Hồ Hữu Tường*, theo tôi là một tác phẩm hết sức thành công. Nhưng đối với các tác giả trên đây, tự truyện được hiểu theo nghĩa cổ điển, mô tả một đời sống hay một giai đoạn được khoanh vùng cụ thể, thường là tuổi thơ, nghĩa là khi tác giả đó đã viết một lần là xong, không có gì để viết lại nữa. Để hiểu sự khác nhau giữa tự truyện mới và tự truyện cũ, cần sử dụng đến quan niệm về điểm nhìn (point of view): những sự kiện có thể được nhìn từ nhiều góc độ khác nhau, một câu chuyện có thể được kể lại bởi nhiều người khác nhau.

Quyết định về điểm nhìn là quyết định quan trọng bậc nhất của nhà tiểu thuyết, trong khi đối với những người viết không có tài năng, điểm nhìn của họ thường thay đổi trong cùng một tác phẩm, làm sự tiếp cận của người đọc trở nên không nhất quán. Tiểu thuyết tự truyện mới không phải chỉ là những hồi ức theo kiểu kể lại các sự việc xảy ra trong quá khứ, mà là sự thể hiện thế giới thông qua nhân vật - tác giả, điều này làm cho nó gần gũi với khuynh hướng *tiểu thuyết dòng ký ức.*
Quả nhiên những tác giả sau này ở miền Nam đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của *khuynh hướng dòng ý thức*. Hầu hết các truyện ngắn, truyện dài của Mai Thảo đều viết về mình, dựa trên những hồi ức chính mình. Đây cũng đồng thời là phương pháp trữ tình.

Mai Thảo là một trong những người đầu tiên đi theo phương pháp *tiểu thuyết-tự truyện* (memoirist fiction).

(Nguyễn Đức Tùng)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Qua cầu ngả nón trông cầu .
Cầu bao nhiêu nhịp …tốn xăng dầu bấy nhiêu

Đường văn ngõ chữ

Nguyễn Khải và...chiếc xe đạp - 1

Nhưng bên trong của cái tính khí vui vẻ, pha chút hài hước ấy là cả một Nguyễn Khải trải đời và chịu nhẫn nhục nhiều kể từ những năm tháng ở tuổi mới lớn. Ngay từ ngày đó, ông đã luôn trăn trở đau đáu niềm ám ảnh rằng mình là "kẻ thừa, kẻ ăn bám". *Rồi có lần ông còn bị đuổi ra khỏi nhà vì bị nghi oan là "kẻ ăn cắp".*
Sau này ông đã viết trong "Một giọt nắng nhạt" rằng: "Đã biết cái nhục, thì chẳng có cái khổ nào là đáng kể". Ngay cả việc Nguyễn Khải trở thành nhà văn cũng đình đám và người thân hết sức ngạc nhiên. Sau giải phóng năm 1975, ông gặp lại người bố sau 30 năm xa cách, bố ông đã phải thốt lên:
- "Anh mà viết văn thì kể cũng lạ đấy, vì ngày xưa sao mà anh ngốc nghếch thế, hơi đần nữa. Tôi còn nhớ năm anh 13 tuổi mà xỏ dép vẫn chưa phân biệt được chân nào phải, chân nào trái".

Nguyễn Khải cũng bảo ngay cả khi đã vào bộ đội năm 17 tuổi, ông vẫn là người kém tháo vát và "chậm hiểu" nhất trong tiểu đội. Nhưng cuối cùng Nguyễn Khải đã trở thành một nhà văn lớn.
Nhà văn Nguyễn Minh Châu nhận xét: "Nghe ông Khải ông ấy nói thì hóa ra không phải Nguyễn Khải bắt chước và học lỏm nước ngoài mà phải nói ngược lại... "
Có điều ít ai biết, để được tất cả thành quả ấy, Nguyễn Khải đã phải tự học và trả giá rất nhiều. Cho dù lúc sinh thời ông vẫn thường tâm niệm: Mình chẳng qua là một người gặp thời,

thì những tác phẩm của ông đã nói lên tất cả, rằng ông chiến thắng bằng chính tài năng, và lối sống giản dị.

Nhà văn Nguyễn Khải và chiếc xe đạp màu xanh, Nguyễn Khải sống tại Sài Gòn, mỗi lần ra Hà Nội, ông thường ở trong một căn phòng tại báo Văn Nghệ. Những ngày ở Hà Nội, nhà văn luôn có một chiếc xe đạp màu xanh cũ có yên xe rất cao thường dựng trong ga ra ô tô của Tổng biên tập. Trong hồi ức của nhiều nhà văn dường như vẫn còn nhớ như in hình ảnh Nguyễn Khải cao lênh khênh lững thững đạp xe đi hết phố Nguyễn Du rồi mới đi dần sang các con phố khác. Đến chiều, ông đạp xe về đến trụ sở báo Văn Nghệ, dựng chiếc xe vào một góc, khóa lại cẩn thận.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Con nhà tông không giống lông…đỡ giống khỉ.

Đường văn ngõ chữ

Nguyễn Khải và...chiếc xe đạp - 2

Buổi sáng Nguyễn Khải lững thững đi ăn sáng ở một phố gần đó. Ông ăn uống nhỏ nhẹ, nói năng cũng nhỏ nhẹ. Nhưng cái giọng nhỏ nhẹ của ông luôn luôn chứa sự hài hước và thâm thúy. Có người nghe Nguyễn Khải nói về mình thì sướng lắm cười ha hả. Nhưng về đến nhà, ăn uống xong, nằm xuống giường nghỉ ngơi ngẫm nghĩ thì đến lúc đó người ấy mới hiểu ra ý Nguyễn Khải nói gì. Thế là vụt ngồi dậy, người lạnh toát mồ hôi lưng.

Thường là ăn sáng xong ông về uống trà trong phòng Nguyễn Khắc Trường rồi lững thững dắt chiếc xe cao ngất ngưởng ra phố và thủng thẳng đạp đi...". Nhà văn Nguyễn Quang Thiều còn nhớ: "Ngày ấy Hà Nội chưa rồ dại vì xe máy như bây giờ. Bởi thế mà hình ảnh một người cao lêu đêu thong thả đạp xe tự nhiên thấy cả Hà Nội được thảnh thơi lạ lùng. Cuối chiều lại thấy ông đạp xe về. Ông dựng chiếc xe vào một góc, khóa lại và thủng thẳng đi lên tầng 3 tòa soạn báo Văn Nghệ.

Phong thái đi đứng và đạp xe của Nguyễn Khải cho tôi một trong những lý giải vì sao ông có thể biết được nhiều chuyện như vậy. Tôi thấy ông có thể để thu hết mọi gương mặt, mọi giọng nói và mọi câu chuyện của đời sống ông đi qua vào trong con người ông. Để rồi trở về, ngồi xuống, nhớ lại và viết ra. Văn phong của ông cũng vậy. Cứ thủng thẳng "*chết người*" như *những lúc ông ngồi nói chuyện với người quen.*

Nguyễn Khải viết hai chữ "vĩnh biệt" vào đêm 22/6/1998, với lời cuối như sau:
"Trong gần bảy chục năm sống, tôi không phàn nàn bất cứ đoạn đời nào, những năm tháng nào. Có cái trước thì mới có cái sau, có cái này mới có cái kia. Tôi quan niệm khiếm khuyết là điềm lành, không có gì phải lo nhiều; hoàn toàn là điềm dữ, không chuẩn bị trước thì tai họa có ngày.
Mươi năm trở lại đây tôi có ý thức điều chỉnh lại cách sống của mình, cố gắng sống thật tử tế, thật đàng hoàng. Bớt đi được một nửa những cái chưa tử tế cũng là tốt rồi. Tôi tự đánh giá là một cây bút nhẫn nại trong cái nghề của mình, chứ không phải là một cây bút có tài bẩm sinh. Nếu không có cuộc kháng chiến thì tôi chỉ là một kẻ vô danh, chứ không thể làm được gì nên chuyện...".

Những dự cảm ấy chỉ được tiết lộ khi cuốn sách "Thương nhớ Nguyễn Khải" được xuất bản năm 2009 nhân kỷ niệm 1 năm sau ngày mất của ông.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Bầu ơi thương lấy bí cùng ,
Mai sau có lúc… nấu chung một nồi.

Câu đố dân gian

Bằng con bò, nằm co giữa ruộng

(cái mả)

Nhân Văn – Giai Phẩm

Báo Văn

Sau khi đóng cửa tờ báo *Nhân văn*, đảng thấy cần thiết phải cho ra một tờ tạp chí văn học để thay thế. Đảng cho phép Hội Văn nghệ xuất bản tờ tạp chí *Văn*. Chủ bút là Nguyễn Công Hoan, phó là Nguyễn Tuân và Tổng thư ký toà soạn là Nguyên Hồng.

Báo *Văn* xuất bản mỗi tuần một kỳ. *Một nửa số trang dành riêng cho những bài dịch tiểu thuyết Nga, một nửa khác gồm toàn những bài tán tụng văn học Trung Quốc*. Kết quả là giá trị văn nghệ rất kém, không ai buồn xem.

Sau đó người ta thấy báo *Văn* thay đổi thái độ vì thấy *tên các nhà văn trước kia đã viết trong nhóm* Nhân văn *và* Giai phẩm.
Người đầu tiên là Phùng Quán.
Phùng Quán là một sinh viên trước kia đã viết bài "Chống tham ô lãng phí" đăng trong *Giai phẩm mùa Thu*. Lần này Phùng Quán viết bài "Lời mẹ dặn". Bài đó có những câu như sau:
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghétDù ai ngon ngọt nuông chiều,Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù cầm dao doạ giết
Cũng không nói ghét thành yêu.
Tôi muốn làm nhà văn chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã.
Bút giấy tôi, ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá.

Đến tờ *Văn* số 24, độc giả lại thấy *Hoàng Cầm xuất hiện.*
Hoàng Cầm là một chiến tướng của nhóm Nhân văn. Ở đây Hoàng Cầm viết một vở kịch thơ ngắn, nhan đề là "Tiếng hát", nói về chuyện Trương Chi. Nhưng Hoàng Cầm biến lời hát của Trương Chi thành tiếng gọi của tự do. Mỵ Nương tượng trưng cho giới văn nghệ bị kìm hãm trong ngục tù, và ông Quận công, cha của Mỵ Nương tượng trưng cho độc đoán của đảng.

Cuối cùng là kiện tướng Phan Khôi ra mắt.
Cụ viết một truyện ngắn về gia đình cụ, nhan đề là *Ông Năm Chuột*. Câu chuyện dài dòng, nhưng ngụ ý của cụ là *giai cấp thống trị thuở xưa cũng như giai cấp thống trị ngày nay, đều đầy dẫy những thối nát, nhưng cứ che đậy.* Mặc dù khéo léo che đậy, trong dân gian vẫn có những người ranh mãnh, nhìn thấy hết. Che đậy cũng vô ích. Bài đó kết thúc số phận báo *Văn*. Đảng bắt Hội Văn nghệ phải *đình bản tờ báo ngay tức khắc.*

(Trăm hoa đua nở trên đất Bắc – Mạc Đình giới thiệu)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

100 năm trước ta còn chưa gặp
100 năm sau biết gặp nhau không
Cuộc đời sắc sắc không không
Thôi thì hãy sống hết lòng với nhau

Giai thoại làng văn xóm chữ

Lập kỷ lục

Vì làm báo, quản lý báo với cung cách của một "trích tiên", một "Á Đông Khổng Tử chi đồ" nên sự nghiệp làm báo của *Tản Đà* không thể vươn xa như Vũ Bằng, Nhất Linh dù *ông có công đào tạo nên nhà báo, nhà văn hiện thực xuất sắc là Nguyễn Công Hoan.*

Nhìn lại quãng đời xông pha trường văn, trận bút của mình, Tản Đà chua chát viết:
Khi làm chủ bút, lúc viết mướn,
Hai chục năm dư, cảnh khốn cùng.

Ông viết báo từ năm 1913 trên tờ *"Đông Dương tạp chí" của Nguyễn Văn Vĩnh* và nhanh chóng nổi tiếng trên văn đàn. Năm 1916, ông lấy bút danh Tản Đà và chính thức chọn nghề viết lách, trở thành nhà thơ, nhà văn, nhà báo có phong cách đặc biệt. Năm 1920, ông cộng tác cho *"Nam Phong tạp chí" của Phạm Quỳnh*. Do Phạm Quỳnh phê phán tư tưởng của cuốn "Giấc mộng con", Tản Đà không cộng tác nữa. Năm 1921, ông làm chủ bút "Hữu Thanh tạp chí" của Hội Bắc Kỳ thì tờ này đình bản.

Ngày 1/7/1926, tờ "An Nam tạp chí" số đầu tiên ra đời do Tản Đà làm chủ báo và *Ngô Tất Tố làm thư ký tòa soạn*. Tờ báo đã lập hai kỷ lục trong nền báo chí nước ta: *Tờ báo chuyên về văn học đầu tiên của Việt Nam,* tờ báo "chết" chính thức vào ngày 1/3/1933, qua 6 lần đình bản tái bản trong vòng 7 năm với 48 số.

Nguyên nhân "cái chết" của "An Nam tạp chí", ngoài lần đình bản đầu tiên vì lý do chính trị, những lần còn lại đều là do thiếu tiền.
Tản Đà thấy rõ ảnh hưởng to lớn của báo chí với xã hội và vai trò của người làm báo. Ông từng viết: "Các báo quán đã là một đạo quân tiên phong trong trận tiến thủ của xã hội, thời phàm các người viết văn trong báo giới đều là một tên lính ở trong đội tiên phong. Oai nghiêm thay! Hùng dũng thay! Một ngọn bút sắt tung hoành có quan hệ đến vận hội của đồng bào hai mươi lăm triệu. Vậy thời trước khi chúng ta cầm ngọn bút mà viết một bài văn xã thuyết, thời đàm, vận văn, tiểu thuyết đều nên phải hết sức trân trọng, tưởng như có mấy trăm nghìn độc giả đứng xung quanh...".

Nhưng rồi chính cách *làm báo tài tử của ông đã khai tử tờ báo.*

Tục ngữ hiện đại, hiện thực

Không thầy đố mày… ngồi yên
Không mày đố thầy dạy ai

Tuần báo Phong Hoá

Phong Hóa từ số 1 đến 13 do một số giáo sư trường Thăng Long chủ trương, Nguyễn Xuân Mai đứng tên giấy phép, Phạm Hữu Ninh làm quản lý, *Trần Khánh Giư (Khái Hưng), giáo sư Thăng Long là chủ bút.* Với tôn chỉ dung hòa "*xét trong hai nền văn hóa cái gì tốt đẹp thì thâu góp làm văn hóa của nước nhà*" chỉ được dư luận chú ý lúc đầu, sau không đem lại gì mới mẻ nên đi xuống.
Nguyễn Tường Tam thấy cơ hội tốt nên điều đình mua với giá rẻ (mua tên và giấp phép ra báo *Phong Hóa*), đứng ra làm lại tờ báo. Ngày 22-9-1932, *Phong Hóa* số 14 đổi mới ra mắt độc giả với Nhất Linh, Khái Hưng, Tứ Ly, Tú Mỡ, Thế Lữ, Nhị Linh.

Chỉ trong vài tháng số in tăng từ 3,000 lên 10,000. Sau số Xuân 1933, thấy được độc giả hoan nghênh, Nhất Linh cùng các cộng tác viên thành lập nhóm Tự Lực Văn Đoàn. *Phong Hóa* số tháng 3, 1933 văn đoàn ra mắt với bản tuyên ngôn ngắn và giới thiệu dấu hiệu của đoàn (logo) là hình con ó bằng mấy nét vẽ kỷ hà.

PHONG HOA
..TỪ NHỎ ĐẾN NHÓN..

Tờ *Phong Hóa* ngay từ khi đổi mới như một trái bom nổ ra trong làng báo, mang lại sự trẻ trung, yêu đời bằng tiếng cười cho độc giả xã hội Việt Nam qua lối văn trào phúng, hí họa các nhân vật, *tranh hài hước Lý Toét, Xã Xệ.*

Phong Hóa đã khéo học hỏi từ các báo Pháp như tờ Rire, Canard Enchainé, Gringoire trở thành *tờ báo trào phúng* đầu tiên trong lịch sử báo chí nước ta. Cái cười chinh phục được độc giả và nhờ đó thực hiện được, dù dưới khía cạnh tiêu cực, việc đả phá những tục lệ cổ hủ, các nhân vật thời danh bằng cách khoác cho họ một biệt danh châm biếm, bằng nét vẽ hài hước.
Phong Hóa sau khi đã chế diễu hầu hết các người có tiếng tăm, năm 1935, trong loạt bài hoạt kê Đi Xem Mũ Cánh Chuồn đả kích gay gắt bọn phong kiến quan liêu, nhất là đám quan lại Nam Triều chạy theo Pháp, đụng chạm tới Tổng Đốc Hoàng Trọng Phu nên bị đóng cửa 3 tháng (tháng 6,7,8). Sau khi ra lại được hơn một năm thì bị đóng cửa vĩnh viễn sau số 190 ngày 05 tháng 06, 1936.

(Tự Lực Văn Đoàn chữ văn quốc ngữ - Trần Bích San)

Chữ nghĩa lỗ mỗ ngu ngơ

Hôm nay tranh thủ mấy chai?
Triển khai từ gái ra trai thế này!
Sao chưa khắc phục cuộc say,
Cực kỳ bức xúc, có ngày guốc bay

157 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hơn 40 năm sau khi đọc *Con ngựa già của chúa Trịnh*, đầu tôi vẫn cứ một câu tại sao? Phùng Cung xưa phụ trách nhà in, không ''chính trị'' như Nguyễn Hữu Đang, uy tín như Phan Khôi, và cũng không là chiến tướng như Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán. Tất cả đều đi thực tế (cải tạo). Sau thực tế thì về Hà Nội nhưng bị treo bút, cô lập. Khổ nhất là bị cô lập, không ai dám ''dây với hủi'', kể cả những người trong gia đình!

Năm 1999, tôi có dịp hỏi một nhân chứng ruột thịt của Phùng Cung. Con anh, là Phùng Hà Phủ, đến thăm tôi vào dịp Giáng Sinh. Phủ kể ''…thời Cải Cách Ruộng Đất, ông nội cháu lo vì có thể bị qui là địa chủ cường hào, và quả là sau ông bị đấu tố rồi đưa lên giam trên Thái Nguyên. Bố cháu lên thăm, nhưng đến nơi thì *mộ ông cháu mới đắp, trên chỉ có một ngọn sắn lá đã héo để đánh dấu, đất còn ướt*…''. Phủ châm thuốc lá, rít một hơi, thở dài '' thế mà trước đó bố cháu cứ tin rằng có một bày con đi kháng chiến thì sẽ chẳng đến nỗi nào!''. Nói qua quít để an ủi, tôi bâng quơ '' chắc ông ấy hận lắm…''. Cời thanh củi cho cháy bùng lên trong lò sưởi, Phủ khe khẽ lắc đầu. Lát sau, Phủ trầm ngâm '' Bố cháu hận thì không, nhưng buồn thì có. Buồn đến độ bố cháu chẳng còn muốn gặp ai…Sau, bố cháu kể, oan thì có oan, sai thì có sai, nhưng thời đó chuyện ấy đầy rẫy, cải cách rồi sửa sai…''.

Nghe Phủ thì thào, tôi thốt nhiên chột dạ nhớ đến lời những lãnh tụ nhắn nhủ, cứ vừa làm vừa học, rút kinh nghiệm, hễ thấy sai thì sửa. Trời ơi, nhưng *sai mà gây ra án mạng, cướp sống những cuộc đời vùi vào ba tấc đất oan khiên mất rồi thì sửa làm sao*?

Phùng Cung chỉ buồn? Anh tiếp tục công tác trong hội Văn Nghệ. Đến khi Nhân Văn ra đời, anh đợi đến số 4, tháng 10-1956 mới đưa in *Con ngựa già của chúa Trịnh*. ''Thế thì 5 năm sau, tức vào năm 1961, người ta lại bắt bố cháu đi tù?
Và tù liền 12 năm? Tại sao?''
Con anh, Phùng Hà Phủ không trả lời, chỉ thở dài. Nhưng sao tôi nghe *đâu đây như có tiếng ngựa hí*? Không, ở xứ này giờ đây là mùa đông, ngoài trời lạnh –20 độ C, nước chỉ dăm phút là đóng đá. Gió rít lên, lửa trong lò sưởi chập chờn, tuyết bay bám vào cửa kính vẽ mơ hồ những đoá hoa trước lúc hóa băng.

(Phùng Cung, thơ và người – Nam Dao Nguyễn Mạnh Hùng)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Nguyễn Thị Hòang

Cách đây nhiều thập niên ở Pháp, một bà giáo sư yêu một sinh viên học trò, và dù rằng tình yêu này không có gì trái luật pháp (cả hai đã trưởng thành), nhưng xã hội tỉnh nhỏ Pháp khắt khe ồn ào quá, làm bà giáo sau cùng phải tự tử.
Còn ở tiểu bang WA miền tây bắc Hoa Kỳ, gần đây thôi, một bà giáo da trắng đã có chồng con nhưng li dị, không hiểu sao lại đi yêu cậu học trò da nhuôm nhuôm dưới 15 tuổi và có con với "chàng". Mặc dù bà mẹ của chàng nhóc tì sẵn sàng nhận con dâu cô giáo và cháu, chính quyền vẫn tống giam bà giáo và tòa án xử tới 7 năm tù về tội "cưỡng hiếp trai dưới 15" (nếu cậu này cũng da trắng, chắc bà không bị phạt nặng như thế). Nhưng thôi, dù trắng hay đen hay nhuôm nhuôm, dư luận nói chung chê bản án là quá nặng nên sau khi bị giam một thời gian, bà giáo được cho về quản chế tại địa phương, với điều kiện không được nối lại tình xưa. Nhưng làm sao cấm được tình yêu, cổ nhân Đông Tây đều đã phán vậy, nên cô giáo tìm lại "vòng tay học trò", và lại có bầu lần nữa, lại bị bắt giam và phải tiếp tục thi hành bản án. Dù người khen người chê, đều thán phục: Yêu như thế mới gọi là yêu...

Cô giáo tên Trâm yêu và làm tình với trò Minh vị thành niên tại Đà Lạt, thật may mắn cho cô. Dư luận trong tỉnh có đồn đại ầm ĩ, cấp trên trong ngành giáo dục chỉ nhẹ nhàng thuyên chuyển cô về Sàigòn, cho mối tình từ từ tiêu tan. Quả thực đúng như vậy, mối tình với cô giáo chỉ là mối tình đầu của trò Minh. Lớn thêm, chàng theo đuổi những người đàn bà khác...
Trong cuốn Thần Điêu Đại Hiệp của Kim Dung, học trò Dương Quá và sư phụ Tiểu Long Nữ yêu nhau làm ồn cả giới võ lâm lên. Mọi người nhăn nhó chê bai, nhưng không có biện pháp chế tài nào đối với đôi trẻ, ngoại trừ sự khuyên can, cách ly. Chàng và nàng thấy dư luận ồn quá khó chịu, trò Dương Quá bèn mang thầy Tiểu Long Nữ đi tuyệt tích giang hồ, tìm sơn cùng thủy tận mà yêu nhau.

Có thể tạm kết luận về phương diện tình yêu và tình dục, miền Đông Á có những cách xử trí dễ thương, cận nhân tình và có tinh thần nhân bản hơn miền đất Mỹ có những ông bà thanh giáo khó ơi là khó...

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Bước chân dô quán đèn mờ.
Ngồi gần con gái không sờ là ngu
Thà rằng cắt tóc đi tu.
Ngồi gần con gái…ngu sao không sờ

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Đặng Thơ Thơ - 1

Một nhà văn nữ ở Mỹ có giọng văn trong sáng, tả tình yêu tình dục một cách lãng mạn, một thứ lãng mạn pha Tự Lực Văn Đoàn và Francoise Sagan, nhưng *có giọng kể như đùa bỡn, châm biếm nhẹ nhàng, hơi chua hơi cay một tí,* đó là Đặng Thơ Thơ.

Cô là một nhà văn được xếp loại tương đối trẻ ở hải ngoại. Cô gia nhập làng văn hơi trễ, nghĩa là khi tuổi đời đã qua mức trưởng thành hơi lâu một chút, đã lấy chồng đẻ con, như mọi người. Nhưng nhân vật chính của văn chương Thơ Thơ lớn chậm: cứ là một cô bé gái hoài, một bé gái có nhận xét khá sâu sắc và cũng dịu dàng. Những bài văn của cô được nhiều độc giả chú ý, một phần vì văn chương, phần khác vì bút hiệu thơ mộng và ngộ nghĩnh: *Thơ Thơ*. Nhưng những người đã đọc và theo dõi văn cô, trong đó có người viết bài này, thấy *ngứa ngáy làm*

sao khi đọc hết truyện này sang truyện khác.

Cô gái của Thơ Thơ vào cuộc tình ái lại rất nhẹ nhàng, không vũ bão cũng chẳng mưa to gió lớn, rất từ tốn, với đủ mục thư từ qua lại, dĩ nhiên là toàn e-mail, trong truyện *Hai tháng cho một tình yêu*, đăng trước tiên trên Hợp Lưu 69 rồi Thế Kỷ 21 ở Santa Ana.
“Cuối một e-mail, chàng viết: "Hôn em".

"Hôn em? Hôn tôi? Cái hôn gửi qua điện thư lơ lửng hơn là hôn gió trong không khí. Cái hôn chẳng dính líu gì đến thân xác. Nhưng làm người tôi nóng bừng. Cái hôn đi thẳng vào đầu không qua trung gian nào hết. Nó mãnh liệt dữ dội không kém cái hôn trên da thịt. Dấu ấn của nó ở mọi nơi, ở môi, ở mắt, ở khắp người.

Tôi cũng bắt đầu hôn anh. Chỉ cần thả người vào ghế, nhắm mắt lại: môi anh sẽ đè lên môi tôi-ướt át. Cảm giác êm và đau sẽ thấm tận cùng các ngõ ngách của thân thể. Tôi thường hôn anh vào giờ đi ngủ, trong bóng tôi, trên chiếc giường của tôi.

Hành động nhắm mắt lại trên giường đồng nghĩa với hôn anh. Và bóng tôi phải thật đậm để nụ hôn thêm mê mệt. Nếu ngọn đèn đường ngoài cửa sổ thỉnh thoảng rực lên, làm tôi nhìn thấy ánh sáng yếu ớt qua mi mắt đã khép chặt, tôi phải bịt mắt lại. Từ từ, hành động lấy tay bịt mắt bảo đảm một nụ hôn sâu xa đắm đuối nhất trên đời".

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Đặng Thơ Thơ là cháu Hòang Đạo.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Làm trai cho đáng nên trai.
Lang beng cũng trải giang mai cũng từng

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Đặng Thơ Thơ - 2

Đã lâu lắm, ở hải ngoại, chúng ta mới được biết một cái hôn môi đằm thắm, trong sáng như thế, dù đó là một cyberkiss, một nụ hôn qua không gian và máy vi tính. Dĩ nhiên sau đó mọi sự phải tiến thêm một bước, với cô gái đa cảm đa tình này.

Sự việc diễn ra như sau trong truyện *Hai tháng cho một tình yêu*:
"Bãi xe buổi trưa cũng vắng. Bóng hai người nhập thành một khối bên cạnh bóng xe... Đôi mắt có đuôi đa tình làm tôi chao động. Tôi cảm nhận tất cả sự vô lý của tình yêu này, tại sao anh? tại sao anh chứ? Điều gì đã làm người tôi nóng rực khi nhìn thấy anh? Phản ứng hóa học và những luồng điện chập lại? Cảm giác đó bùng lên đậm đặc, ngọt ngào như cam thảo, và đau xót như cường toan, cùng lúc.
Kính xe hạ xuống cho gió lùa đi hơi nóng. Anh nhoài người vào trong, hơi thở hừng hực như buổi trưa trên mặt tôi. Nơi đó là một từ trường rất mạnh, nó bắt buộc cái hôn đầu tiên hai đứa chúng tôi phải xẩy ra như thế: ở giữa khung cửa xe.
Tiếng anh ngoài khung cửa:
- Nhớ viết thư cho anh. Nhớ lái xe cẩn thận."
Chàng đứng tuổi kinh nghiệm và khôn ngoan: chàng cảm thấy sự xúc động của cô gái, dặn dò lái xe cẩn thận vì sau khi hôn, cô gái ở tình trạng: "Sau đó là cảm tưởng say rượu khi lái xe đi, cảm tưởng buồn đắm đuối đang bay trên đường phố, cảm tưởng một khối hơi trôi bồng bềnh cách biệt hẳn mọi thứ trên đời. Cảm tưởng sao được nhìn thấy tận mắt một điều bí mật, những hiện hữu của nó luôn rình rập kẻ đi tìm".

Yêu say sưa có thể rung động như thế nhưng trong một góc nào đó của não bộ, cô gái vẫn tỉnh táo, phân tích, nhận xét:

"Tại sao hai chúng tôi *đều mở mắt khi hôn*? Tôi vẫn hôn anh mỗi tối, và nhắm mắt. Tôi tin rằng khi nhắm mắt mình sẽ như ngất đi trong một vũng đen, không biết gì nữa hết. Khi hai người hôn nhau, họ tan vào nhau, và người này trở thành vô tận của người kia. Hai linh hồn và thể xác nhập lại, tự do mở ra sự trở về của đoá hoa vĩnh cửu.

Chính đôi mắt mở cho thấy sự tồn tại của người kia, cùng lúc cho thấy ranh giới giữa hai người. Đôi mắt mở là ý thức đang quan sát, không ngất đi được. Và điều bí mật sẽ không hiện ra. Đoá hoa cuối cùng của tình yêu sẽ không bao giờ tìm thấy.".

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975 – Thế Uyên)

Thành ngữ xuất xứ từ thơ cổ và điển cố

Vẽ rắn thêm chân
Thành ngữ 画蛇添足 [họa xà thiêm túc] (Vẽ rắn thêm chân) xuất xứ từ chuyện: Thời xưa nước Sở có một quý tộc, sau khi cúng lễ tổ tiên, liền thưởng cho các môn khách đến giúp việc một ấm rượu. Các môn khách bàn với nhau: "Một ấm rượu chia cho mọi người cùng uống thì không đủ, một người uống thì có thừa. Vậy thì chúng ta cùng thi vẽ *một con rắn* trên mặt đất, ai vẽ xong trước, thì người đó được uống ấm rượu này.".

Có một người vẽ xong trước nhất. Anh ta cầm ấm rượu định uống, nhưng lại đắc chí lấy tay trái cầm ấm rượu, tay phải tiếp tục vẽ rắn, miệng nói: "Các người xem, ta còn có thời gian để vẽ thêm *mấy chiếc chân* cho rắn đây."
Thế nhưng không đợi anh ta vẽ xong chân rắn, một người khác đã vẽ xong rắn. Người đó giằng lấy ấm rượu vừa cười vừa nói: "Rắn làm gì có chân, anh vẽ thêm chân cho rắn làm gì", nói xong liền uống rượu trong ấm. Người vẽ thêm chân cho rắn đã để mất ấm rượu đáng lẽ thuộc về anh. (Theo Chiến quốc sách)

Người Việt mượn thành ngữ này dịch sang tiếng Việt là "vẽ rắn thêm chân" để chỉ những việc làm thừa, vô ích. Cùng với *vẽ rắn thêm chân* thì *vẽ rồng thêm mắt* cũng có nghĩa tương tự.

(Nguyễn Ngọc Kiên)

Kỳ tới: *Vẽ rồng thêm mắt*

Tranh dân gian

Bức *Đánh ghen*, hai bà một cô, dí dỏm một nỗi trong đó có *một bà đánh hôi cầm kéo*…

Người sau chịu chết nghĩ không ra những cái oái oăm của các cụ gửi gấm trong những bức tranh tình tự dân gian như vậy.

Với bức tranh *Đánh đu* phỏng theo thơ dân gian bà chúa thơ Nôm họ Hồ thì phải? Hãy dòm bên phải bức tranh, đụng vào mắt người xem tranh có *đàn anh từ đằng sau luồn hai tay vào cái yếm…bóp vú đàn chị* Quan họ Bắc Ninh.

Ông bà mình vẫn thường nói ngày xưa trai gái đi xem lễ hội, tuồng chèo là để…chim chuột nhau, sờ soạng nhau.

Thói "ăn" nếp "ở" của người Việt

Bàn thêm chuyện ăn uống. Ở miền Trung, miền Nam, những khi giỗ quải người ta thường làm *bánh ít* để cúng. Bánh được làm bằng bột nếp, nhưn đậu hay dừa, gói bằng lá lùn và lá chuối, rồi đem hấp. Nhưng cũng có loại bánh ít không lông không lá gì hết, mang tên *bánh...ít trần*. Cổ tích dân gian có truyện "Trần Minh khố chuối". Nhân vật chính tên Trần Minh, con nhà nghèo, nghèo mạt rệp, không có áo để mặc, phải xé lá chuối làm khố. Viết tới đây, người viết băn khoăn, bật ra thắc mắc, không rõ cái họ Trần trong tên Trần Minh có phải dùng ám chỉ người con trai tên Minh không mặc áo? Người viết không dám võ đoán, chỉ biết chắc một điều, "*ở trần*" có nghĩa "không mặc áo".

Còn "ở truồng" là "không mặc quần". Ở Việt Nam, trời nóng, đàn ông con trai ở nhà thường "ở trần" cho mát. Còn phụ nữ, đôi khi có người đãng trí chín mươi chín phần trăm, mặc áo dài, nhưng quên mặc quần, cũng gọi là "ở truồng". Ai đó, liều mình xếch-xy trăm phần trăm trước công chúng, gọi là "trần truồng". Có điều, chưa nghe ai nói "ở trần truồng" bao giờ!

Khi "ở" kết bạn với "đậu", "trọ" hoặc "ké", có nghĩa "sống nhờ, sống cậy" vào người khác một khoảng thời gian ngắn. Đi chung với "đợ", hoặc với "người" thành "người ở". "Con nhỏ đó ở dưới quê lên Sài gòn ở đậu nhà bà con, chờ kiếm ra chỗ *ở đợ*."
Cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có sáng tác bài hát tựa đề "Ở trọ", nội dung không dính líu gì tới mấy chuyện cậy nhờ đợ đậu vừa nói ở trên, mà hoàn toàn khác. Thử nghe lại vài câu:
"Con chim ở đậu cành tre. Con cá ở trọ trong khe nước nguồn
Tôi nay *ở trọ* trần gian. Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời ..."

Hẳn là họ Trịnh muốn mượn triết lý Phật giáo, ví von trần gian, còn gọi là cõi ta-bà theo ngôn ngữ nhà Phật, là chỗ trọ của chúng sinh. Đời người ngắn ngủi như một sát-na, thoảng qua chớp mắt, tựa hồ quãng thời gian ở tạm trong chuỗi luân hồi dằng dặc.

(Ngô Nguyên Dũng)

Thó

Thó : *dáng, vẻ*
(nhỏ *thó*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ lót

Chữ lót hoặc tên đệm thường được sử-dụng nhất là "*văn*" và "*thị*" phân biệt phái nam với phái nữ. "Văn" nghĩa là "người có học", "nhà nho". "Thị" có nghĩa là "đàn bà".

Có thuyết cho rằng "thị" phát sinh ra gốc họ hàng (*thị tộc*), có ý ám chỉ nhờ người đàn bà mà tộc họ được tồn tại và kéo dài. Theo một số nhà ngữ học, "văn" và "thị" có nghĩa là *"con trai của...", "con gái của..."* và là dấu vết ảnh hưởng văn hóa Mã Lai.

(Văn hóa người Việt qua tên họ - Nguyễn Vy Khanh)

Chữ Việt cổ

Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Phạn: *cơm*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Chửi mất gà

Thằng đứng chiếu ngang, thằng sang chiếu dọc, thằng đọc văn tế, *thằng bế cái hài, thằng nhai thủ lợn*. Con gà nó ở nhà tao nó là con gà, nó sang nhà mày nó là thần đanh đỏ mỏ...

(Chửi mất gà miền núi Nùng sông Nhị)

Chữ là nghĩa

Vàm

Ngã ba sông gọi là *Vàm*.
Như Vàm Cỏ, Vàm Cống, v…v…

(Đoàn Xuân Thu)

Chửi mất gà

Làng trên xóm dưới, bên sau bên trước, bên ngược bên xuôi! Tôi có con gà mái xám nó sắp ghẹ ổ, nó lạc ban sáng, mà thằng nào con nào, nó dang tay mặt, nó đặt tay trái, mó bặt mất của tôi, thì buông tha thả nó ra, không *tôi chửi đây này*.

Chém cha đứa bắt gà *nhà bà*! Chiều hôm qua, bà cho nó ăn nó hãy còn, sáng hôm nay con bà gọi nó hãy còn, mà bây giờ nó đã bị bắt mất. Mày muốn sống mà ở với chồng với con mày, thì buông tha thả nó ra, cho nó về nhà bà. Nhược bằng mày chấp chiếm, thì bà đào mã thằng tam tứ đại nhà mày ra, bà khai bật săng thằng ngũ đại lục đại nhà mày lên. Nó ở nhà bà, nó là con gà, nó về nhà mày, nó biến thành cú thành cáo, thành thần nanh mỏ đỏ; nó mổ chồng mổ con, mổ cả nhà mày cho mà xem.
Ới cái thằng chết đâm, cái con chết xỉa kia! Mày mà giết gà nhà bà thì một người ăn chết một, hai người ăn chết hai, ba người ăn chết ba. Mày xuống âm phủ thì quỷ sứ thần linh nó rút ruột ra. Ới cái thằng chết đâm, cái con chết xỉa kia.

(Nguyễn Công Hoan, *Bước đường cùng*, 1938)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Má ơi đừng gả con xa.
Chim kêu vượn hú biết đâu mà lần.
Má ơi đừng gả con gần.
Con qua xúc gạo nhiều lần má la.

Chữ quốc ngữ

Cho đến bây giờ, chúng ta chưa tìm biết được ai là tác giả đã đặt tên cho thứ chữ ghi âm theo mẫu tự La tinh là*…"chữ quốc ngữ".*
Thực ra đây là một trường hợp sử dụng từ sai lầm vì "quốc" là nước, "*ngữ*" là *tiếng*. "Quốc ngữ" là tiếng nói của một nước.

Như thế khi ta dùng từ ngữ "*chữ quốc ngữ*" để chỉ chữ viết của nước ta là sai hoàn toàn bởi lầm lộn giữa *"văn tự"* và *tiếng nói*

Trong *Việt Nam văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm đã nêu vấn đề trên, nhưng theo ông thì "Từ ngữ này mọi người đã quen dùng rồi không đổi được nữa".

(Trần Bích San – Văn Khảo)

Phong Hóa và Ngày Nay

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Phong Hóa và Ngày Nay là hai tuần báo xuất hiện ở Hà Nội từ năm 1932 tới 1940, dưới chế độ Bảo Hộ, thuộc Pháp. Thoạt đầu tuần báo Phong Hóa do ông Phạm Hữu Ninh làm chủ, đã ra 13 số báo không có độc giả, sắp sửa phải đình bản (Khái Hưng và Đông Sơn Nhất Linh, có viết và vẽ cho tờ báo này). Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã mua lại và làm chủ bút, vẫn giữ trên mặt báo Phạm Hữu Ninh, Nguyễn Xuân Mai. Ông cùng một nhóm anh em bạn hữu gồm có Khái Hưng Trần Khánh Giư, Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, Tứ Ly Nguyễn Tường Long, Thạch Lam Nguyễn Tường Lân, tạo thành một ban biên tập hoàn toàn mới.

Năm 1933, Phong Hóa có thêm Thế Lữ Nguyễn Đình Lễ, một nhà thơ, nhà văn mới. Tới giữa năm 1934, văn đoàn Tự Lực được thành lập với sáu thành viên: Nhất Linh, Tứ Ly, Thạch Lam, Khái Hưng, Tú Mỡ và Thế Lữ.

Sau này Tự Lực Văn Đoàn thêm thành viên thứ bảy: Xuân Diệu.

(Phạm Thảo Nguyên/Phong Hóa-Ngày Nay)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Râu tôm nấu với ruột bầu.
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.
Chỉ tội cho cái thằng con.
Đứng ngoài chầu chực biết ngon là gì.

Những cái cũ & xưa nhất của Saigon

Tờ báo đầu tiên của Phụ nữ Việt Nam

NỮ-GIỚI-CHUNG

Ngày 1/2/1918 tờ báo chuyên về Phụ nữ đầu tiên ra đời là tờ "Nữ Giới Chung" nhằm nâng cao trí thức, khuyến khích công nông thương, đề cao người Phụ nữ trong xã hội, chú trọng đến việc dạy đức hạnh, nữ công, phê phán những ràng buộc đối với Phụ nữ, đánh đổ mê tính dị đoan, động viên Phụ nữ quan tâm đến việc "Nữ quyền".

Muốn có vị trí ngang hàng với nam giới ngoài việc tề gia nôi trợ phải am hiểu "tình trong thế ngoài". Chủ bút tờ báo là nữ sĩ Sương Nguyệt Anh, *con gái nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu*, vốn có lòng yêu nước, yêu thương đồng bào như thân phụ nên khi làm báo bà có ý muốn làm diễn đàn để tỉnh thức lòng yêu nước trong dân chúng. Tuy chỉ tồn tại được hơn 6 tháng nhưng "Nữ Giới Chung" cũng đã gióng lên một hồi chuông nữ quyền còn vang mãi đến ngày nay.

Đã có một thời…

Thanh Tâm Tuyền

Hỏi liệu có tác phẩm mới không?
Những lúc đó anh giản dị chân thật. Nhưng bước chân ra khỏi căn nhà đó, anh có bộ mặt khác hẳn, lúc nào cũng như *muốn xa lánh tất cả, từ con người đến cỏ cây.* Anh sống một với cái thế giới của riêng mình, bất cần, bất chấp đến những thứ khác.

Thế rồi khi tôi ra khỏi trại cải tạo vào năm 1987, về đến Sài Gòn, chẳng biết anh ở đâu, tôi không gặp lại anh nữa. Cho đến khi anh đi định cư ở nước ngoài, tôi chỉ biết anh ở Minnesota và nghe nói anh không muốn giao thiệp, không muốn tiếp xúc nhiều và không còn viết gì thêm nữa. Thái độ của anh có phần khó hiểu. Chán chường hay vì một lý do nào khác? Nhưng tôi vẫn cứ nghĩ thế nào rồi cũng có ngày anh cho trình diện một tác phẩm lớn trong đời. Cóc không mở miệng thì thôi, khi mở miệng thì như trời gầm.
Nhưng đợi mãi 30 năm rồi, chưa thấy tác phẩm mới nào của anh. Biết đâu trong một ngày sắp tới chúng ta sẽ được đọc một tác phẩm cuối đời của một nhà thơ, nhà văn đã im hơi lặng tiếng suốt hơn 30 năm. Hẳn phải là một tác phẩm lớn.

Về cuộc đời và tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền tôi đã được đọc trên khá nhiều website ở nước ngoài và chắc chắn bạn đọc cũng đã biết nhiều nên tôi không viết lại ở đây. Tuy nhiên về chi tiết tiểu sử của anh, có một đôi chỗ không giống nhau. Có bạn ghi Thanh Tâm Tuyền tên thật là *Dzư Văn Tâm*, sinh ngày 13-3-1936, có bạn ghi ngày 15-3-1936, tôi lại nhận được một nguồn tin khác, anh *sinh năm 1934*, do chính anh tiết lộ với một số bạn bè khi ngồi ở nhà hàng La Pagode.

(Những khoảnh khắc với Thanh Tâm Tuyền – Văn Quang)

Nói lái trong dân gian

Trong dân gian, hầu như ở miền nào cũng có nghe truyền tụng những câu nói lái qua câu đố, câu đối, hay nói lái với hò vè, thơ ca…Nói lái với câu đối:

Con cá đối nằm trên cối đá

138 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Tờ *Văn* ở trong nước đầu tiên Trần Phong Giao làm thư ký tòa soạn, tới giai đoạn sau thì *trước là Nguyễn Xuân Hoàng, sau chót lại là Mai Thảo;* ra hải ngoại đổi lại, Mai Thảo ra đi, để tờ báo cho Nguyễn Xuân Hoàng tiếp tục, cả hai kiên thủ thành trì được tổng cộng trên 250 số, công lao khá lớn.

Nguyễn Xuân Hoàng làm tờ Văn từ tháng 12.1996, vất vả hơn Mai Thảo hồi những năm 80, vì người trước được đàn em hỗ trợ, lấy cho rất nhiều quảng cáo. Nếu chỉ tính 100 mỹ kim một trang, tờ Văn của tác giả Cùng Đi Một Đường lấy quảng cáo một số có thể in ba số báo cho ba tháng. Còn tờ Văn của tác giả Người Đi Trên Mây ít quảng cáo hơn nhiều, nên khó khăn gấp bội.

Cuối năm 1996 Mai Thảo không có ý định trao lại báo Văn cho Nguyễn Xuân Hoàng, mà đã ngỏ ý giao cho người khác, song người này vốn luôn luôn thất bại khi làm báo, nên ý định của Mai Thảo thay đổi vào phút chót. Mai Thảo nói với tôi khi anh còn ở trong chung cư độc thân Christian Home trên đường Bolsa, khoảng tháng 9 năm 1996.

Đời làm báo của Nguyễn Xuân Hoàng không chỉ qua tờ Văn, mà còn trên 10 năm làm báo cho công ty Người Việt, và khoảng năm năm làm tờ Việt Mercury ở San Jose. Và hiện nay còn đang làm tờ Việt Tribune cho bà Trương Gia Vy, cũng ở thành phố bắc California đó. Trong khi hàng tuần anh còn viết bài cho cái blog do anh phụ trách trên diễn đàn của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ.

(Nguyễn Xuân Hoàng, từ thơ đến văn - Viên Linh)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Nhận được thư em lúc nhá nhem,
Mừng mừng tủi tủi mở ra xem

Trong thư em viết dăm ba chữ
"Anh ơi ngày mai nó lấy em".

Đã có một thời…

Vĩnh biệt Hoàng Anh Tuấn

Nhà đạo diễn hiền lành nhất thế giới
Một lần Tuấn kéo tôi lên xem đóng phim. Phim trường là căn nhà của ông giám đốc sản xuất Thái Lai phim, nằm cuối đường Hồng Thập Tự. Căn nhà mặt tiền đường, không rộng hơn những căn nhà buôn bán tạp hóa ở dẫy phố này.

Kê cái comptoir ở phía trong, đèn đuốc, máy quay lỉnh kỉnh xung quanh, cứ như cửa hàng bán phụ tùng máy móc. Nhà đạo diễn Hoàng Anh Tuấn râu ria xồm xoàm, nhưng dáng điệu lại rất nhàn nhã, chứ không quát tháo, chỉ chỏ tơi bời hoa lá như những đạo diễn tôi từng nhìn thấy.

Lâu lâu lại thấy nhà đạo diễn cho máy travelling bằng cách kéo cái camera di chuyển trên mặt sàn, chẳng cần đường ray. Lúc nào cũng thấy Tuấn nhỏ nhẹ:
– Ấy ấy, làm thế này. Em làm ơn đứng sát vào một tí. Đừng cười nhiều, miệng rộng quá, mím chi thôi. Làm xem nào. Máy! Cắt!…
Họ làm việc với nhau như "anh em trong nhà". Ấy thế mà cuốn phim cũng hoàn thành. Rồi cũng đem ra rạp chiếu đàng hoàng, lời lỗ bao nhiêu chẳng biết. Nếu tôi nhớ không lầm thì ông Thái Lai chỉ sản xuất có một cuốn phim rồi thôi luôn. Sau này ông tái bản lại cuốn tiểu thuyết Chân Trời Tím mà tôi cũng chẳng hề hay biết.

Đến khi sách in xong ông mới mang đến cho tôi một cuốn, bản quyền được trả bằng một chầu ăn uống là xong. Còn một kỷ niệm đáng nhớ là bà cụ Hoài Bắc (chúng tôi vẫn thường gọi bà mẹ của Phạm Đình Chương - Thái Thanh bằng cái tên thân mật ấy) thỉnh thoảng lại nhắc về cuốn phim, nhưng cụ gọi là phim "*Ngàn năm máy bay*" vì trong phim có cảnh *máy bay trực thăng đổ quân* xuống một vùng quê.

(Văn Quang)

Chữ nghĩa lơ ngơ láo ngáo

Nếu biết rằng em đã lấy chồng
Anh về chửi đổng giữa đám đông
Bố mẹ tiên sư nguyên dòng họ
Khốn kiếp sao mày dám bỏ ông.

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Nguyễn Công Hoan – 1

Nguyễn Công Hoan *trào phúng hình như bẩm sinh*. Ông nhìn vật gì cũng với cặp mắt trào phúng. Không gì nghiêm túc cả. Đó là nét đặc biệt của nhà văn Nguyễn Công Hoan.

(Nhà văn Nguyễn Công Hoan 1903-1977)

Nét đặc biệt thứ hai là (theo ông nói) ông không hề đọc sách, nhất là truyện. Hỏi tại sao? Ông bảo sợ viết trùng với người khác. Hay hơn hoặc dở hơn cũng đều bị chê là *cầm nhầm*. Nét thứ ba: Nguyễn Công Hoan không bao giờ đi thực tế nông thôn hay nhà máy. Nét thứ tư: Ông chữa trong khi viết. Viết xong là xong, đưa in chớ không có viết lại bản thảo thứ hai thứ ba.

Ông được hỏi trong trường hợp nào ông cho ra đời kiệt tác *Bước Đường Cùng*. Ông nói ông có nghe tí chuyện ở đâu đó rồi phát hứng lên, bỏ nhà đi đến một nơi im lặng, đóng cửa viết luôn mười lăm ngày xong đem về in. Ông viết trên giấy rời. Tờ nào không ưng ý thì rút ra viết tờ khác. Tôi có thấy bản thảo của ông. Chữ rất đẹp, trang nào cũng sạch nguyên, không dập xóa mù mịt như bản thảo của Tô Hoài. Dường như trời phú cho ông cây bút, *hễ viết là ra văn, không phải chữa.*

Ông có nụ cười *rất hóm*. Ánh mắt tươi tỉnh sau mục kỉnh. Nhưng ít nói chuyện. Cơ quan cần họp đem xe đến rước ông đến, họp xong ông về, không mấy khi ở lại cơ quan. Dù là chủ tịch Hội Nhà văn, ông cũng không giải quyết vấn đề gì cả. Nhưng tôi thấy hình như vào thời kỳ sau 54 thì ông cũng không thiết sáng tác.

(Xuân Vũ)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Dái tai như hột châu thòng
Có thành, có quách, dày, hồng sắc tươi
Thiệt người phú quý thảnh thơi
Phong lưu tao nhã trên đời chẳng sai

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Nguyễn Công Hoan - 2

Nguyễn Công Hoan tụt thang sau 1954.
Ông viết rất thưa thớt, không có lửa. Ở Việt Bắc cũng thế. Độc giả tự hỏi: “Sao ông không có tiểu thuyết kháng chiến? Trong lúc đó thì trước 45, tác phẩm của ông chồng cao đến đầu?”. Lúc ra Hà Nội tôi cố ý tìm những tác phẩm mới của những bậc tài danh cũ để đọc, một bữa đang ngồi trên ghế thợ cạo, tôi vớ nhầm tờ *Trăm Hoa* của Nguyễn Bính mới ra, thấy truyện ngắn của ông, viết theo hình thức những lá thư, nhân vật tên là Huyền. Đọc xong tôi thấy buồn. Không phải Nguyễn Công Hoan.

Trong lần đấu tranh đè bẹp *Nhân Văn Giai Phẩm* ở nhà hát lớn Hà Nội, đáng lẽ ông ngồi trên chủ tịch đoàn, nhưng không hiểu sao ông *trốn* xuống tận hàng ghế chót của hội trường ngồi?

Tôi nhớ chắc chắn không lầm, trong suốt mười năm ở Hà Nội, tôi chỉ đọc có một truyện ngắn của ông. Truyện *Cây Mít* dài chừng nửa trang đầu báo Văn Nghệ. Độc giả, nhất là đám mới tập tễnh vào nghề như tôi, mừng rơn: Lão tướng lại ra quân. Nhưng không, sau Cây Mít, không có cây ổi, cây xoài gì nữa cả. Mảnh vườn văn học Hà Nội chỉ loe hoe vài ngọn cỏ... *Cây Mít* lấy đề tài trong Cải Cách Ruộng Đất – Nội dung là một anh bần cố bị cướp đất trên đó có cây mít. Nhờ Cải Cách Ruộng Đất anh bần cố kia lấy lại được đất và hái quả chín chia cho gia đình. Chỉ có thế thôi. Tôi không thể kể hơn được.

Tất cả nhà văn đều bị lưỡi dao xã hội chủ nghĩa *thiến cụt*, không riêng gì cụ Hoan.

(Xuân Vũ)

Hai tiếng "Bình Định" có nghĩa gì?!

Lê Thánh Tôn chiếm được kinh đô Đồ Bàn và đặt tên là phủ Hoài Nhơn. Tiếp, chúa Nguyễn Hoàng, những người Việt từ các tỉnh phía Bắc bị bắt, bị đày hay theo chân chúa Nguyễn đã lần lần vào đây lập nghiệp và biến đổi vùng đất này thành quê hương của mình. Phủ Hoài Nhơn được *Nguyễn Hoàng đổi ra Qui Nhơn*.

Sách Lê Quý dật sử chép: Nguyễn Nhạc chiếm đất của chúa Nguyễn. Năm 1778 Nguyễn Nhạc đổi tên là *thành Hoàng Đế*, sau là kinh đô của Hoàng đế Nguyễn Nhạc.

Nguyễn Ánh chiếm thành Qui Nhơn rồi đổi tên *Qui Nhơn ra Bình Định*. Sự đổi tên này mang một ý nghĩa đã thắng nhà Tây Sơn và nay chúa Nguyễn đã "bình định" được.

(B.H & S.T. - Địa chí Bình Định)

Đình Bảng, kiến trúc độc đáo Kinh Bắc - 1

Đình Bảng bắt đầu được xây dựng năm 1700, ngôi đình năm 1736 mới hình thành, nhưng theo giai thoại phải mất *60 năm* ! Cũng dễ hiểu khi ta biết thuở ấy chưa có máy móc dụng cụ hỗ trợ, nhất là để dựng đứng hay sắp xếp những cột gỗ to nặng. Mọi việc đều phải thực hiện bằng tay, có khi vận dụng những cột gỗ lim to quá nặng cần phải *đào lỗ để làm đòn bẩy*, giải thích vì sao quanh các đình có những ao sâu.
Đình Bảng là một công trình kiến trúc quy mô, nguyên trước có cả tam quan, cửa giữa xây hai trụ gạch kiểu lồng đèn cao, hai bên có cửa cuốn tò vò giả mái, phía sau là khoảng sân rộng, hai bên là hai dãy tả vu và hữu vu. Cũng như mọi ngôi đình khác, công trình quan trọng nhất của đình Đình Bái Đường hình chữ nhật,chia làm bảy gian, hai chái nằm trên nền cao bó đá xanh có hai bậc cấp. Vẻ đồ sộ của đình thể hiện qua phần mái toả rộng chiếm 2/3 chiều cao, khoảng 60 cột lim lớn nhỏ được đặt trên các tảng đá xanh vuông vức.

Bảng về mặt kiến trúc nghệ thuật là toà Bái Đường (Đại Đình)

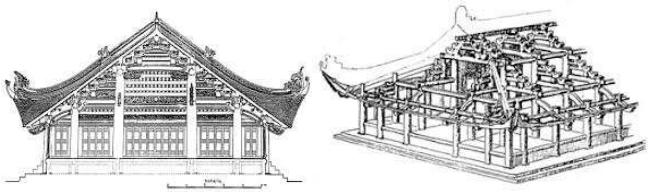

(Võ Quang Yến)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Ông Ich Khiêm, được cử giữ chức Tiễu phủ sứ, vâng lệnh cầm quân ra Bắc dẹp giặc Lý Dương Tài, ở hồ Ba Bể, khi trở về qua Hà Thành cho lập một ngôi đền thờ những tướng sĩ trận vong.
Ông sai người đến xin Yên Đổ mấy chữ để ngoài cổng đền, người này kể lể "quan Tiễu muốn làm đền cho *lính tôi*", ra vẻ tự đắc *mình cũng là hàng tướng*. Yên Đổ cho ba chữ: Tối linh từ. Ông Tiễu cho là chữ quá ư tầm thường, có biết đâu Yên Đổ đã nói lái: "tối linh là *lính tôi*" cho bõ ghét cái anh tay sai hách xằng!

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

Đình Bảng, kiến trúc độc đáo Kinh Bắc - 2

Cửa võng

Khi bước vào lòng đình, tinh hoa của nghệ thuật chạm khắc thế kỷ XVIII là *bức cửa Võng* lớn ở cung giữa thuộc gian ngoài phủ kín một diện rộng, kéo dài từ thượng lương xuống hạ xà và mở ngang hết một gian. Cửa Võng được chạm lộng kết hợp chạm nổi tinh xảo trên cả 7 lớp, 9 ô các đề tài tứ linh, tứ quí.... Phía trên bức cửa Võng là bức trần gỗ che kín mái gian giữa.

Hoa văn trang trí trên các cấu kiện kiến trúc khác rất đa dạng, chạm trổ tinh vi, trau chuốt, hài hoà. Kết cấu bộ khung đình khá vững chắc, gắn với nhau bằng các loại mộng theo lối chồng giường *Thượng tam, hạ tứ*. Mỗi bức chạm khắc ở đình là một tác phẩm nổi tiếng độc nhất vô nhị.

(Võ Quang Yến)

Họ hàng hang hốc

Họ tên người có thể biến đổi bởi nhiều lý do, phạm húy, đó là trường hợp của *Phan Văn San phải đổi thành Phan Bội Châu* bởi trùng tên với tên húy Vĩnh *San* của vua Duy Tân.
Ngô Thời Nhậm trùng với tên húy Hồng *Nhậm* Nguyễn Phúc Thi của vua Tự Đức phải đọc chệch thành *Ngô Thời Nhiệm*.
Nguyễn Văn *Thụy* trùng tên với Vĩnh Thụy tức vua Bảo Đại phải đổi thành Nguyễn Văn *Thoại*.
Nguyễn Văn Chương bởi lập được nhiều công trạng, được vua Tự Đức cải tên thành *Nguyễn Tri Phương*.

***
Đổi tên bởi thi hỏng, như *Nguyễn Thắng* thi hội hỏng lần đầu đổi tên thành *Nguyễn Khuyến* có ý tự khuyến khích mình học.
Trần Duy Uyên hỏng thi hương nhiều lần đổi tên là *Trần Kế Xương, Trần Cao Xương và Trần Tế Xương*.

(Chuyện phiếm về bút danh, nghệ danh – Nhật Thịnh)

Chơi chữ

Chơi chữ là các hiện tượng đồng âm, đa nghĩa,... trong ngôn ngữ nhằm gây một tác dụng bóng gió, châm biếm trong lời nói, trong đó ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cách,.. nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, ly thú.
Như từ kinh điển cổ, một bức trướng mừng thọ nọ ghi bốn chữ: *"tử tôn thằng thằng"* (con đàn cháu đống, ý khen là người có phúc). Nhưng người được chúc thọ vốn là một kép hề trên sân khấu, và nguyên văn lời Hán có chứa *"tử tôn thằng thằng"* là *"chung tư vũ, hoăng hoăng hề, nghi nhĩ tử tôn thằng thằng hề"* (đại ý là: *loài cào cào gắn bó nhau*, con cháu đông đúc).

Lời ấy không lấy gì làm tử tế (khi chuyển từ chuyện một loài sâu bọ có hại mà lắm con sang chuyện người lắm tử tôn) đã đành, lại thêm chuyện cùng âm với "thằng hề" thuần Việt, mà không ai có quen biết với chủ nhân (người được chúc thọ) lại không biết.
Nhưng đấy là trong *Kinh thi,* hoàn toàn không mang ý như bức trướng nọ đã xuyên tạc. Khi đặt lời *Kinh thi* kia ra khỏi bức trướng, bốn chữ *"tử tôn thằng thằng"* rất trọn nghĩa; có điều, dữ liệu văn học được mặc nhiên thừa nhận trong sinh hoạt văn hoc, văn hóa nghệ thuật, nên cái nghĩa trái ngược của lời *Kinh thi* ấy vẫn luôn xuất hiện sóng kèm (theo đúng ý đồ của người viết nên bức trướng). Ở đây, hiện tượng chơi chữ đã xảy ra.

(Chơi chữ là gì? – Triều Nguyễn)

Chữ nghĩa làng văn

Có thể dựa vào câu *Thuốc Bách tính, đóm diêm (bao diêm), điếu ống...* để đoán. *Diêm* là tiếng Bắc (trong Nam gọi là *quẹt*). Ngoài Bắc có *diêm* từ bao giờ?
Có từ ngày :
Em là con gái *nhà Diêm*
Đến tháng lĩnh tiền được bốn đồng hai
Một đồng em để cho giai
Hai đồng cho mẹ, đồng hai ăn quà.
(Ca dao ngạn ngữ Hà Nội)

Nhà Diêm là nhà máy làm diêm *(Manufacture d'allumettes*) của Pháp tại Hà Nội,nằm tại địa điểm nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo sau này. *Diêm* và *bao diêm* chỉ có sau khi Pháp đặt nền bảo hộ Bắc kỳ (1884).

(Nguyễn Dư)

Dùi đục chấm mắm cáy

Trong giao tiếp hằng ngày, người ta thường nói "*dùi đục chấm mắm cáy* " hơn là "*bầu dục chấm mắm cáy*". Tuy vậy "bầu dục chấm mắm cáy" lại là dạng ban đầu; còn "dùi đục chấm mắm cáy" chỉ là biến thể do đọc chệch "bầu dục" ra "dùi đục" mà thành.

Nghĩa của thành ngữ "*bầu dục chấm mắm cáy*" hình thành trên của sự chênh lệch hay tính không tương hợp giữa thức ăn và gia vị. *Bầu dục là món ăn ngon và hiếm*. Chẳng thế mà trong kho thành ngữ, tục ngữ của Việt Nam còn có câu:
Sáng ngày *bầu dục chấm chanh*
Trưa *gỏi cá cháy*, tối *canh cá chày*

Vậy mà cái món ngon và hiếm ấy lại đem chấm với *mắm cáy*, *mạt hạng* trong các loại mắm ở vùng biển. Bầu dục nếu ăn đúng cách phải *chấm với chanh* hay *nước mắm gừng*. Còn *mắm cáy* chỉ dùng để ăn với *rau muống, dưa, cà*...

Trong "Phú Việt Nam" có bài "Đàm tục phú", một bài phú khuyết danh từ thế kỷ trước-khi phê phán những kẻ văn dốt, võ nhát nhưng lại ham muốn học đòi những người có khả năng kinh bang tế thế, cũng liên hệ đến sự chủng chẳng, không phù hợp giữa bầu dục và mắm cáy:
Chủng chẳng như bầu dục mắm cáy, muốn bậc kinh luân
Chình chịch như khối đất nắm ao bèo, toan bề thao lược

Có thể là do những nét tương tự về ngữ âm giữa bầu dục và dùi đục mà xuất hiện biến thể "dùi đục chấm mắm cáy".

(Kể chuyện thành ngữ tục ngữ)

Ca trù

Hát ca trù hay *hát nhà trò*, hát ả đào, hát cô đầu, *hát nhà tơ*, theo văn bia, thư tịch cổ xuất hiện ở nước ta từ thời Lý. Năm 1025, vua Lý Thái Tổ đặt chức quản cho giới con hát. Tuy nhiên phải đến thời Hồng Đức (1470–1479), nghệ thuật hát ca trù mới chính thức được hoàn thiện nhiều mặt từ giáo phường, đến không gian trình diễn.

Theo đó, hát ca trù có năm không gian trình diễn chính: *Ca trù cửa đình* (hát ở cửa đình tế thần); *ca trù cửa quyền* (thưởng thức ca trù của các nhà quan); *ca trù tại gia; ca trù hát thi; hát ca quán.*

Những *hát nói, hát ru, hát sẩm*…cũng từ hát ca trù mà có.

(Nghệ thuật ca trù – Bùi Đẹp)

Văn bia, cuốn gia phả bằng đá

Thợ khắc bia là ai?
Trong lịch sử của nghề khắc bia đá, có thể kể đến: Thợ đá Lê Tâm là thợ khắc phường Kinh Chủ chuyên khắc bia họ Nguyễn ở Phù Đổng, Hà Nội. Hay còn có thợ khắc Nguyễn Nhân Tế khắc bia cho họ Phạm ở Cẩm Bào, tỉnh Bắc Giang. Nguyễn Bạch Tường thợ khắc xã Đại Bái, huyện Gia Định, phủ Thuận An *khắc bia cho họ Ngô ở Như Nguyệt, tỉnh Bắc Ninh.*

Thợ khắc là người quan trọng trong việc tạo dựng một tấm bia. Nhưng trước đó, lại cần có người viết nên nội dung của tấm văn bia ấy, làm sao để nội dung ấy nói lên một cách bao quát nhưng cụ thể với *những nét quan trọng và riêng biệt về dòng họ ấy*.

(Nguyễn Văn Hoa)

Sài Gòn một chút quán xá

Quán cà phê Năm Dưỡng

Đi qua ngã ba Nguyễn Kim và 3 Tháng 2 - Trần Quốc Toản ngày trước - ở quận 10, có lẽ cư dân Sài Gòn lứa tuổi chúng tôi ai cũng còn nhớ quán cà phê *Năm Đường* thuở trước, tọa lạc tại góc hai con đường này.

Quán cà phê Năm Đường hôm nay đã thay hình đổi dạng, mang tên quán là *Napoli Coffee*. Chúng tôi vẫn thỉnh thoảng tới đây uống cà phê, vừa để nhớ lại những chuyện ngày xưa, vừa thưởng thức cà phê đích thực, và ngắm nhìn quang cảnh ngã ba đường phố vào những sớm mai những hoàng hôn của Sài Gòn.

Nhắc tới cà phê Năm Đường thuở trước khiến chúng tôi nhớ luôn quán *cà phê Năm Dưỡng*, ở *một hẻm lớn của đường Nguyễn Thiện Thuật,* gần khu Bàn Cờ. Sau 30 Tháng Tư, 1975, hầu hết quán cà phê nổi tiếng của Sài Gòn ngưng hoạt động. Quán Năm Dưỡng hoạt động vài năm, rồi cũng thay hình đổi dạng, trở thành một khách sạn nhỏ.

Thuở trước, khách uống cà phê tại quán Năm Đường là bà con lao động; khách uống cà phê tại quán Năm Dưỡng là giới sinh viên học sinh. Lúc đầu, cả hai quán chuyên pha cà phê bằng vợt, gọi là "cà phê bít tất," như các quán cà phê bình dân khác tại Sài Gòn; và cả hai quán đã đi tiên phong trong việc pha chế cà phê bằng cái phin lọc, tức cà phê phin.
Từ lúc có doanh trại cảnh sát dã chiến thành lập ở đường Trần Quốc Toản, phía bên kia đường, đối diện quán, khách uống cà phê tại quán Năm Đường tăng lên gấp bội, gồm đông đảo cảnh sát dã chiến. Chúng tôi không nhớ rõ thời gian, nhưng vào khoảng năm 1967 - 68 gì đó, một vụ nổ lựu đạn do đặc công Việt Cộng khủng bố đã xảy ra tại quán cà phê Năm Đường, làm thương vong một số cảnh sát dã chiến và khách tại quán.

(Quán cà phê và "Hương ngày cũ của Sào Gòn" – Nguyễn Đạt)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Tình yêu như cái bánh tiêu …
Ăn vô thì muốn, thiếu điều ói ra.
Yêu em hổng dám nói ra.
Để dành trong bụng cho ra từ từ.

Sài Gòn một chút quán xá

Quán cà phê Cheo Leo

Ông Cheo Leo mất trong năm 1993, lúc vừa tròn 75 tuổi, ngang bằng tuổi quán Cheo Leo hôm nay. Chị Sương dẫn chúng tôi vào nơi pha chế cà phê vợt, phía trong cùng của căn nhà chật hẹp. Cái lò nung để ủ nóng cà phê ngẫu nhiên như một kiệt tác nghệ thuật, với những dòng chảy nâu quánh kết tinh của 75 năm, không khác những dòng thạch nhũ trong hang động.

"Thuở đó cha tui đã tự làm cái lò nung này, từ cái thùng phuy chèn thêm lớp gạch pha với đường cát vàng hạt lớn. Chánh giữa lò nung để than lửa lên có ngọn đặng đun nước sôi. Nước sôi già mới đổ vào cái siêu, thứ siêu người ta thường đun thuốc Bắc. Cái siêu này để tấm vải lược, tức cái vợt, bỏ cà phê xay thiệt nhuyễn trong đó. Ủ kín một lúc, khi cà phê đã ra hết thì chắt nước cà phê qua cái siêu khác, đặt bên rìa lò nung đặng giữ nóng lâu, hoặc chắt liền vào ly phục vụ khách vừa tới quán."

Tôi tỏ ý về sự chật hẹp của quán Cheo Leo, phục vụ cà phê một ngày không được nhiều khách. Chị Sương mỉm cười, nhỏ giọng: "Đắp đổi

qua ngày là gia đình chúng tôi mừng rồi. Khách tới uống cà phê ở quán này là bà con lối xóm không hà, ít khi có khách từ xa tìm tới như mấy chú. Chẳng thể so sánh với thuở trước, thời VNCH đó. Cha tui biểu thời đó quán. Cheo Leo để máy ca hát rộn rã, khách ra vào quán suốt ngày. Có thời gian quán Cheo Leo mở cửa đón khách từ 4 giờ sáng tới 10 giờ đêm mới hết khách, đông nhứt là giới sinh viên học sinh. Bây giờ tui còn gặp lại mấy người vào quán là *khách từ thuở đó, khi là học sinh trường Pétrus Ký trường Chu Văn An.* Nay mấy người đó đều là *những ông già trên dưới sáu bảy chục tuổi*."

Tới quán Cheo Leo, tôi bùi ngùi nhớ lại một thời đã qua. Người bạn đặc biệt nhắc nhớ Sài Gòn ngày xưa, các bác tài sáng sớm chở vợ con trên xe xích lô máy, tới quán tiệm hủ tíu và cà phê bình dân. Ăn uống xong xuôi chở vợ con về, các bác mới bắt đầu một ngày chạy xe chở khách. Hầu hết tiệm bình dân Sài Gòn thuở ấy pha cà phê bằng vợt, như quán Cheo Leo còn tồn tại đến hôm nay. Giống một loài sắp tuyệt chủng, quán Cheo Leo càng làm *xao lòng những khách hoài xưa, giữa vô số quán tiệm cà phê đủ kiểu hiện đại, mọc lên như nấm sau cơn mưa ở Sài Gòn.*

("Cheo Leo", quán cà phê 'xưa' nhất Sài Gòn – Nguyễn Đạt)